SÁCH HIEU-BIẾT

HOÀNG THỨC-TRẦM

TRẦN HƯNG-ĐẠO

Nhà Sách VINH-BẢO SÀI-GÒN
SÁCH THAM-KHÁO:

DANH-TƯ KHOA-HỌC
HOÀNG-XUÂN-HÂN 35 $

TƯ-DIỄN PHÁP-VIỆT
BÀO-VĂN-TÂP 140 $

TƯ-DIỄN VIỆT-PHÁP
BÀO-VĂN-TÂP

Trọn bộ 4 cuốn — Đã ra cuốn I: 30 $

SÁCH TOÁN-HỌC:

CADAO TOÁN-HỌC (Bào Trọng-Dũ) 20 $
MA-PHƯƠNG (Bào-Trọng-Dũ) 8 $
TOÁN-HỌC LỚP NHỊ (Nguyễn-Văn-Tòng) 14 $
Dền Kiếp-bác kỷ niệm với đại anh hùng dân tộc:

TRẦN QUỐC-TUÂN

Gồng dẹn dề năm chia, "Trần Hưng-dao vương tir"

(Ảnh của Trịnh Văn-Cương chụp ngày 2-1-1939)
HOÀNG THỨC-TRÂM

TRẦN HƯ'NG-DẠO

(？— 1300)

NHÀ SÁCH VĨNH-BẢO SÀI-GÒN
Tọc-giả giữ bàn quyền
Kính tặng những ai xứng-dáng
lắm con cháu Trần Hưng-Đạo

Hoàng Thúc-Trần
LỜI ĐẦU

Hương-dào đại-vương Trần Quân-Tuân chẳng những là một vị-nhân Việt-nam, mà lại là một danh-nhân trên mảnh đại-lục Đông-nam Á tự thế-kỷ mười ba đến giữu nảy.

Đối với lịch-sự Việt-nam, ngoài là một đại-anh-hùng dân-độc, có công quyết sách giặc Nguyên (1) xâm-lược, giữ vững tự-do, đúc-lập cho nhân-dân, bảo-vệ chủ-quyền lãnh-thổ cho Tổ-quốc; trên nói được giông mây truyền-thống của Trưng-vương, Lý-Bồn, Triệu Quang-Phúc, Phùng-Hưng, Ngô-Quyền, Lê-Hồàn, Lý Thuờng-Kiệt..., dưới treo được lẫn quộngiran-dậu cho Đặng-Dưng, Nguyễn-Sửy, Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi, Quang-trung...


Vả, lơi dân-chủng «thần-thánh-hóa» các bậc vị-nhận lại làm cho một số người hiểu được Trân Hùng-dao theo một phương diện khác, một ý-nghĩa khác.

Vậy xin cõ-gắng tra-cứu sự sách Nam Bác, sự-tầm tài-liệu xưa nay, làm thành cuốn TRÀN HƯNG-DẠO này, mong di lơi may mắn mục-dính đã đạt:

1) Giới-thiệu cho các bạn nam-nữ thanh-niên biết rõ hơn về một nhân-vật lịch-sử, văn-võ toàn-tài:charted ngoai-xăm, giảin doc-lập;

2) Bồ thêm đổi chút vào những chỗ khuyệt trong các sự sách ta xưa nay đã chép về đức Trân Hùng-dao;

3) Nhắc lại những kinh-nghiem trong may cuộc kháng-chiến Mông-cô do anh-hùng Trân Quốc-Tuân lãnh-dao;

4) Lấy Trân Hùng-dao làm dời-tương nghiên-cứu, lại lấy lịch-sử đương-thời làm bối-cảnh, càng chutf tài-liệu cho văn, sự-học sau nay.
Nếu máy mục-dịch ấy đã được thịnh là một sự khuyến-kích lớn cho kẻ viết.

NÓI THIỂM

Những sách, báo tham-khảo đều có liệt-kể ở câu cuối sách. Trừ-trùng, khi dân-chỉng, có máy tên sách viết tất như:

Đại-Việt sữ-ky toàn-thur, viết là Toàn-thur;
Khâm-dinh Việt-sử thông-giám cuốn-muc viết là Cuộn-mục;

Các địa-danh về quan, ải, sông, núi và dâl... ở đời Trần, so với ngày nay, duyên cách nhiều lắm. Ngày như một con sông cái (hồi Minh-thuộc gọi là Nhị-hà, ngày nay gọi là Hồng-hà) bây giờ chia gọi nhiều khác nhau; khúc trên mạn ngược (từ miền Lào-cai, Yên-bái xương đến nghĩa-ba Hạ) thì gọi sông Thao; khúc từ nghĩa-ba Hạ đến Thăng-long thì gọi sông Lô; khúc ở miền Hưng-yên thì gọi sông Tha-mạc hoặc Thiên-mạc; khúc ở miền Hà-nam thì gọi Đại-hoàng-giang hoặc Hoằng-giang... Trong may mắn cuộc kháng Nguyễn, có làm địa-danh thấy chỗ ở An-nam chỉ-lúc như Lích-nơi-nguyên, Trữ-tháp-nguyên, Lánh-mỹ, Hải-thi quan, Lạng son (Lạng là sông: Núi Lòng), chỗ Đông-hồ (Đồng-hồ thi), cấu Phú-lộ... và ở Toàn-thur như Linh-kính quan, Vử-cao quan, Đà-mỏ loan..., ngày rất khó kể-cứu. Vầy phạm địa-danh nào có thể khảo được thì xin cười-chủ & đạo. (Đừng lý ra, một địa-danh nào nếu đã chủ-thích & một chú thướng trên rỗi thì ở các chú thướng dưới không phải
IV


Ba bức bản đồ kháng chiến mong-cô ở cuối sách về địa điểm lịch sử thì có chất-chính cung nhau học giả Hoàng Xuân Hään; về phương diện chuyên môn thì nhớ hòa tay của nhà khảo-cô Biết-lâm Trần Huy-Bà. Tiễn đây, tác giả xin ghi mấy lời thành thực cảm tạ.

Tác giả

Ngày: 4 tháng hai 1950
CHƯƠNG NHẤT

GIA-THỂ VÀ CÁ-TÍNH TRẦN QUỐC-TUẤN

Hùng-dao đại-vương, họ Trần, hüy Quốc-Tuân, là con An-sinh vương Trần-Liệu và bà Nguyệt, là em Vụ-thánh vương Trần-Doăn và là anh Thiên-cấm hoàng-hậu, vợ vua Trần Thành-tông (1258-1278).

Ngài gọi Trần-Thùa (sau được tôn là Thái-tô) bằng ông nội, Trần-Cảnh (vua Trần Thái-tông) bằng chú ruột.

Đối với hoàng-tộc nhà Trần, ngài là bác thần-vương, nên hồi tháng muội, năm quả-máo (1283), có giặc Mồng-cổ xâm-lược, ngài được vua Trần Nhân-tông (1279-1293) tiến phong làm quốc-công.


Nưm vậy, ngài là người hổ tông-thất rất thân nhà Trần và là nhân-vật dùng trong tạng lốp quốc-tộc.
Các sự ta xưa không chép ngày sinh vào năm nào đến khi ngày mất cùng không nói ngày thọ bao nhiêu tuổi, nên nay không thể biết được ngày sinh của ngày (1), mà chỉ tạm néu một gián-thuyết:

Sau ngày rằm tháng hai, năm tàn - họi (1251), Quốc-Tuân tự-do lưu y tại rồi kết hồn với Thiên-soạn cống-chúa (TOÀN-THU, quyên 5, tổ 17-a-b).

Qua tháng tư năm ấy (tân-hợi, 1251), thần-phủ ngày lỡ là An-sinh vương Trần-Liễu mất, mới bốn muội một tuổi (Sử dân trên, tổ 18-b).

Trần-Liễu mất năm 41 tuổi. Nếu 18 tuổi đã sinh con thì bày giới(tân-hợi, 1251) Quốc-Tuân 23 tuổi; nếu Trần-Liễu 21 tuổi mới có con thì Quốc-Tuân bày giới 20 tuổi.

Sử chép ngày 20 tháng tám, năm canh-tí (1300) đôi vua Trần Anh tổn (1293-1314), Hưng-dạo đại-vương mất.

---

1) Tuy có mấy sách chép ngày sinh của ngày, nhưng thọ-tưởng không đủ căn cứ:

Cuốn TRÀN - TRIỀU THẾ - PHÁ HÀNH - TRANG (sách viết truy-vSCAN có, s.A. 663, tổ 22-a) chép ngày sinh ngày mồng muỗi, tháng chạp, năm nam tần tần, niên-hỉu Nguyễn-phòng thiếu nhất. Thời tắc là năm 1252. Nếu ngày sinh vào năm ấy, mà đến âm định-tý (1257), Nguyễn-phòng thọ bảy, theo sử TOÀN-THU, quyên 5 tổ 22-a) thì ngày đã làm tiết-chê, coi quan hệt cùng các trường trong các quan thụy, bộ chủng giống biền-giờ, chẳng hoa ra bày giới ngoài mới l n năm tuổi mà đã làm tiết-chê như mọi vị lòng-tư-lênh thụy lộc quan ngày nay vui?

Trong cuốn HƯNG-DÃO ĐẠI-VƯƠNG của Lam-san (xuat-băn năm 1946) đưa tài liều trong Đạo-khé giả sử cùng chép ngày sinh ngày 10 tháng chạp (không chép năm ta mà chỉ chúa 1228, tổ 72 tuổi). N

Nay xét ngày ngày sinh ấy nếu không xét-xự từ chính-sử thì đến là do nghị riêng sự diện đoạn cả.
Vậy nay có thể phỏng đoán: Trần Quốc-Tuân sinh vào khoảng niên hiệu Kiến-trung hội đầu Trần, khỏi năm Kiến-trung thứ thứ (1228) đến thứ bảy (1231) và ngoài thọ trên dưới bảy mươi tuởỉ, đó từ 69 đến 72.

Thước bể, người được người ta đoán rằng ngày sau tất là một tài « kính-bang, tề-thế » 交邦濟世.

Lớn lên, dùng-mao khởi-vi, thông-minh hơn người, người xem ròng các sách, gom tài văn-võ.

Trước kia, An-sinh vương Liệu có hiềm-khích với vua Trần Thái-tông, nến rồng tim những kẻ sỉ có nghề nằng dễ renal duy nhất ngài.

Ngài có bốn con trai là Hưng-vũ vương Quốc-Hiện, Hưng-hiện-vương Quốc-Uy, Hưng-nhượng-vương Quốc-Tảng, Hưng-trí-vương Quốc-Nghiền, một con gái đẹp duyên cùng Trần Nhân-tông (1) và một con gái nuôi lấy Phạm Ngũ-Lão (2).

Trung-dũng — thần-trọng

Tinh rất trung-dũng, người đã biết-lớ và lỗi nội và việc làm.

Khi có giấc Mồng-cở, người dự-bảo các trưởng-sĩ rằng : « Đền bỉa, ta tưởng quen an; ban đêm, ta thương đau gọi, trao nước mắt, lòng đau như rắn, gián không được ăn thịt năm đa... cua quân dịch ! »

Tắc lòng thương dân lo nước ấy đã được chung

(1) Sau bá được truy-tông là Khâm tử-bảo-thành hoằng thái-hậu,
(2) Sau bá được sắc phong là Trang chiêu-tử-thuy ngợi phạm-trinh thuận u nhân trinh-nhiệt.'
tổ trong máy lôi đáp vua Trần Thánh-tôn : « Chặt đầu thân trước, rồi hãy nói chuyện xuống hàng » khi nhà vua hỏi thư người rằng « thế giấc như vậy, ấu ta hãy hàng ». 

Lời « quyết chiến, quyết thắng » trên đây cũng như khi qua Hóa-giang (1), người đã hờ quan-sĩ, trở sóng ấy mà thể :

« Chuyến này không phả được giấc Nguyễn thi không chịu về đến sông này nữa. »

Người lại có tình rất thân-trọng :

Trần Thánh-tôn thấy người có công-lao lớn, gia-phong là Thương-quốc-công, cho người được tự chuyển trong việc ban trước tự mình-tử rơi xuống xuống ; duy có trước hầu thị « ban trước, tâu sau ». Thế mà người chưa từng ban trước cho một người nào că.

Khi có giấc Mông-cô, người ra lệnh khuyên các nhà giàu quyền thôc để phát cho quan-sĩ, rồi người chỉ thướng cho họ hàm lang-trương giả, chủ không cho chức lang-trương thật.

Vì nghĩa cả, bò tình riêng

Thần phụ người là An-sinh vương Trần-Liệt có người vợ là Lý-thị đăng có mang. Trần Thủ-Đô thấy vua Trần Thái-tôn (1225-1258) bày giờ chửa có con, bèn lấy Lý-thị cho Trần-Thái. Vì thế Trần-Liệt cảm

(1) Một nhánh thuộc sông Thái-bình ở giáp giới hai tỉnh Kiên-an và Thái-bình.
(2) Ngay thuộc huyện Đông-triều, tỉnh Hải-duong.
tức, nội loạn, nhưng sau Liễu thua trận, phải nhảy vào khuyên vua Thái-tôn mà xin hàng.

Đậu được sá tô, phong đặt An-sinh (1) làm thái-ấp, nhưng tử do, Trần-Liệu vẫn mang hận một bên lòng.

Mà thất thê, có lần An-sinh vương Liễu bảo con là Trần Quốc-Tuấn rằng: «Mai sau, nếu con không vì ta mà lấy được thiện-ha (2) thì ta năm dưới đất, không sao nhắm mắt được đâu!»


Câm-dòng, ngại ứa nước mắt, bùi-người thân-phúc Đậu-Tướng, Yết-Kiều là nói rát phải.

«Chim hông-học sở-dĩ bay cao được, là đỡ có những lòng cảnh dài.» Ngài đa phải tâm-tắc khen

(1) Nay thọc huyện Dông-triều, tỉnh Hải-duảng.
(2) Xưa ta nói «thiên-ha» là theo nghĩa hẹp. tức Cùng như nhag nói «nuóc» hoặc «quốc-gia».
YEI-Kieu, DÄ-Tuong nhu thê, khi ho, sau nay, tham-dürü vào những cuộc kháng-chiến Mông-cô.


Khi sắp mất, ngài có dặn Hung-vũ vương : « Sau khi ta chết, con phải dầy nap quan dã, rồi méi cho Quốc-Tạng được vào viếng. »

cây gây của ngài đầu có cái.bit như hình quả chuông mà lưu i thi nhân, sỹ ngài nhân có co-hồi sẽ rửa bọn cho cha chăng. Ngài biết ý, bèu vứt bỏ cái dot bit nhân, chỉ cảm gây không.

Hửu-ił với anh em

Ngài và Chiêu-minh vương Trần Quang-Khai là anh em con chú con bác, vì Quang-Khai là con thứ ba vua Trần Thái-tông.


(2) Thương-trương (cùng như thứ-trương ngày nay, la chức của Quang-Khai.

(3) Chỉ được Trần Hưng-dao.
mẫn-mà đảm-thắm. Ngươi làm trưởng văn, đầu cắt, dòng lông, đưa con thuyết quốc-gia thoát con sống gió.

Áp-dạo được sự Mông-co

Nam tồn-tự (1281), sù-giả Mông-co Sài-Xuân (1), khi vào kinh-dơ Thăng-long, đến cửa Dương-minh, không chịu xuống ngựa. Quân-sĩ Thiên-trường cân lại, Xuân liên lấy roi ngựa đánh người lĩnh ấy bị thương ở đầu. Đến điện Táp-hiện, thấy có mạn treo trưởng rũ, Xuân mới hả mả. Vua Trần sai Trần Quang-Khai đến sự quân tiếp-dại; Xuân năm khiến, không ra dòng. Quang-Khai vào thẳng trong phòng, Xuân cũng không trở dậy.


(1) NGUYỄN SỮ, ANNAM CHÍ LƯỢC và TOÀN-DỊCH... đều in "mộc bằng chữ xuyên" trong Cổ Nhiều sách, bảo quốc-ngự chép là Sài-Thương, vi "Xuân" và "Thương" mật chư gần giống nhau.
Tiến người hiền – Yêu loài vật

Ngài chẳng những yêu tài, vi Quốc-gia, tiến-cử gây-dưng những tay giương cốt như Phạm Ngũ Lão, Trương Hán-Siêу, v...v..., lại còn mở rộng lòng nhân, thương-yêu đến cả loài vật.


Vi ngài suốt đời tận-tụy, tình trung bảo quốc, mấy phen đánh đập Mông-cô, giữ vững độc-lập, tự-do cho nước nhà, nên khi sinh-thời, chính vua Trần i hành-tôn tự làm bài vần bia ở đền sinh-từ tổ sông ngài, sáng ngài với Thái-công thương-phù nhà Chu.

(1) Nay là huyện Phù-dực, ấp Nhị Thất-bình.

Khi năm bệnh, ngài có dinh-nhĩn dẫn bảo vua Trần-Anh những phép dụng binh, giữ nước (sẽ nói kỳ Ở chương muội).

Trước khi mất, ngài có trôi-trăng cùng các con: «Ta chết rồi thì phải họa-tảng, lấy một thứ đồ hinh tròn (1) mà chứa bài - cốt, bi - mật chôn ở trong vườn An-lạc (2) rồi san đất phằng, trồng cây lên trên như củ, không cho ai biết mà chôn ở đâu, và csak chủng mát (3). Áy cũng là một việc chứng-tố ngài có tình hay lo xa và rát tinh-tể (4).»

(2) Ở phần riêng, áp An-sinh thuộc huyện Bồng-triều, tỉnh Hải-duong.
(3) Trong sỉ TOÀN-THU quyển 6. tô 10b-11a Hiệp là « thà yêu tóc hứa » 且要速朽.
(4) Sỉ cả giải-trích về việc ngắt đi-chức ấy « Chính vì từ khi thống lĩnh quân-dợi phong-ngữ ở Lạng-giang, giấc Nguyễn hai lần sang xâm, đều bị đánh bại, nên ngài lo rạng sau này hoặc giả cổ-nạn bị giấc khai quật mồ-má lên chẳng. » (TOÀN-THU, quyển 6. tọ 10b-11a).
Nay, đến thời ngại ở Kiếp-bắc, tức là chỗ nhà ngại ở lúc sinh-thời.

GIỮONG NHỊ

LỰC-LUÔNG VÀ TINH-THẦN QUÂN-DREFERRED
DUỐI QUYÉN TRẦN QUỌC-TUẤN

Muốn rõ võ-công của Trần Hưng-Đạo, tất trước phải xét đến lực-luồng bình-bì, tổ-chức quân-sự và tinh-thần quân-nhanh đường-thời.

Theo các sự cử, sách xưa, thì bình-chề đầu đôi Trần đại-khai như thể này:

TOÀN-THU, quyển 5, CUONG-MỤC, quyển 6, có chép:

Tháng ba, năm kỷ-hợi (1245), tuyển trai-tráng làm binh-linh, chia ra ba bắc thương, trung và hạ.

Tháng hai, năm tân-sữu (1247), tuyển những người có sức mạnh, am-hiệu võ-nghệ, sung làm thương-dổ tục-vệ (TOÀN-THU, quyển 5, tờ 12a);

CUONG-MỤC, quyển 6, tờ 20b-21a).

Tháng hai năm bình-ngỗ (1246), biên-dịnh quân-ngụ:
Lừa những người khỏe-mạnh sung vào quân Tứ-thiên, quân Tứ-thành, quân Tứ-thần (1).

Các lở Thiện-trường (2) và Long-hùng đặt làm quân Nội Thiện-thuộc, quân Thiện-cường, quân Chương-thành, quân Củng-thần.

Các lở Hồng, (nay là Hải-duường), Khoái (nay thuộc Hưng-yến) đặt làm quân Tả Thành-direct, và Hữu Thành-direct.

Các lở Trưởng-yến (nay thuộc Ninh-bình), Kiến-xương (nay thuộc Thái-bình, đặt làm quân Thành-direct, quân Thành-sạch.

Còn thì sung làm Cấm-về; ba bạc Cấm quân sung làm đoàn đội trao-nhi (tay chèo thuyền) (3).

Tháng hai, Năm Tân-dậu (1261), tuyển dân-dinh các lở: phạm người khỏe thì cho làm binh-lính; còn thì sung làm sắc-dịch ở các sảnh, viên, cúc và làm đội tuyên-phòng & các lở, phù, huyện (CUONG-MỤC, quyền 7, tờ 1 b).

Tháng tam, Năm Định-mão (1267), ché-dính quân-ngũ.


(2) Thiện-trường (nay là nhà Xuân-trường thuộc Nam-direct) là quê nhà Trần, nên lấy binh Thiện-trường và các lở xưng-quanh làm quân Tứ-vế.

(3) Nguyên văn chữ Hán chép là: «Kỷ-direct sung Cấm vế, Cấm binh làm đang sung đoàn đội trao-nhi» 其餘克禁衛禁兵 三等克團隊揹兒
Quán gồm ba mươi dỗ, dỗ có tam mươi người; tuyên trong hỏng tổng-thất lấy người thông xen nghe, sang bình-pháp để coi, quan (TOÀN-THU, quyển 5, tờ 31a-b).

Ngoài ra còn có quan Tử-xương là những bình-linh phải thay phiên nhau, canh giữ bồn cua ngoài thành. Song, hàng quan Tử-xương này không bị được với quan Cẩm-vệ (CUỘNG-MỤC, quyển 6, tờ 9a).

Khi đánh Tổng-cơ lần đầu (dinh-tị, 1257), nhà Trần còn có quan «Tinh-cương », nên vua Trần Thái-tông có hỏi thái-úy Trần Nhất-Hiệu rằng «Quan Tinh-cương, ở đâu ?».


Các ngạch quan chia làm thần-quan, du-quan và vương-hậu gia-dộng.

Thần-quan
1) Thành-dúc dỗ,
2) Thủ-dúc dỗ,
3) Long-dúc dỗ,
4) Ho-duc dỗ,

(1) Nguyên văn trong AN-NAM CHÍ-LUỘC chêp là: « Hỏa quyến thể thuan giữ nhất, chứng lập và nghệ » 又擅捷俊者 二掌握武藝.
5) Phương nha quan chức lang.
   (Từ đây trở lên đều có tả hữu cả)((1))

Đưa quan
1) Thiết-lâm dò,
2) Thiết-hạm dò,
3) Hưng-hồ dò,
4) Vũ-an dò.

Vương hầu gia đồng
1) Toàn hầu dò,
2) Dưرق đồng dò,
3) Sơn-liêu dò,
   vân vân...

Cân cứ vào các sự liệu trên đây và «Bình-chế chi» trong LỊCH TRIỀU HIỆN CHƯƠNG của Phan Huy-Chú, ta có thể tóm tắt sơ qua về bình-chế hối đầu Trần.


(1) Nghĩa là bốn dò và một lang ấy đều có tả và hữu. Vi-đây:
   tả thành-dực dò, hữu thành-dực dò. . . . .
"Cối kề cựu sự, quân tu kỳ;
Hoạn, Diện do lốn thắp văn bính" (1).

Ý nói: Anh nén nhớ truyện Việt Cầu-Tiền xưa: chỉ còn năm nghin giàp, thuế, trụ-dâu ở Cối-kể, thế mà, về sau, diệt được nước Ngô, rửa được hòn nước; hương chỉ ta nay ở Thanh-hóa và Nghệ-an còn có tôi mười vị quân chưa gọi đến.

Còn chế độ Cẩm-quan thì tự đối Trần-Thái đã đạt, sau nội lại có tăng thêm, nhưng thực số là bao nhiêu, không thể khảo được.


Quan-dôi: hoặc tuyên trong đỉnh-tráng lừa lấy những người có sức mạnh, am-hịch võ-nghẹ; hoặc bất những người giàu có khoẻ-mạnh mà không có quan-tước thì sung làm quân, đối đối phải di lĩnh (2). (TOẢN-THU, quyển 5, tờ 4b-5a).

(1) 会稽旧事君须記 驚演猶存十萬兵 Hoạn chú và Diện chú nay là Nghệ-an.
(2) Chế độ này còn thế-hành mất đến năm mười nước (1378) đối Trần Phế-dế (1377-1388): Ban-bình ở các lở, đối đối phải di lĩnh, không được làm quan (TOẢN-THU, quyển 8 tờ 2a-b; CUONG-MỤC, quyển 10, tờ 44-b).
Binh-phúc bây giờ thể nào, không thấy sự chê bét; song nhân việc đạo quân của Trần Kháng-Dư ở Văn-dọn (1) có đối nóng mà lơi (2), có thể đoán rằng quân-sĩ đương-thời đều có đối nóng.

Các vương-hậu cũng được phép mở trai-trạng dân-gian làm quân linh, nên năm quy-mủi (1283), các vương Quốc-Hiên, Quốc-Tảng... đều đọc-suất quân các xứ Bằng-hà, (3) Na-săm (4), An-sinh, Long-nhân (5)... đến hội ở Văn-kiếp.


Cấp tướng coi-quan các quân các độ, phải là người trong họ tổng-thất mà phải thông vởi-nghề và sáng binh-pháp.

(1) Túc là đạo « De la Table », một hòn đạo hình dốt, hướng dũng-bắc Tây-nam, lớn và ở ngoài hơn hết dân quân-dạo (gần Hòn-gãy) trong vịnh Bạc-bó. (Xem bản-dố ở cuốn sách).

(2) Thử nóng dân bằng nan dưng (thành trì Trước), do lang Ma-lôi ở Hàu-lộ (nay là Hải-duong) chế-lao, nên mới gọi theo tên lang ấy. Nhưng vì lâu ngày, tên riêng của nóng đã chuyển thành tên chúng, nên chịu « nóng mà-lôi » không phải biệt hào.


(4) Na thiều Lang-san.

(5) Đới Lã đới làm huyện Phùng-nhân (hoặc nhởn?). Na thiều tinh Bắc-giang.
Đúng đầu bộ chỉ-huy là «tiết-chệ». Tiết-chệ được thông lĩnh hết cả thủy bộ chịu quân trong nước; nhưng không phải là một chức chính, mà chỉ là cảm quyền «đồng-tông», điều-khiển chỉ-huy toàn thể bộ máy quân sự, như một vị tổng tư lệnh ngày nay.


Kỹ luật rất nghiêm; kẻ nào dạo ngũ, bất được thi chất ngọn chăn; nếu còn cứ tâm tắm lại trôn thì có khi phải tối voi giấy.

Noi theo phép Đội Lý, Trần cùng cấp lực bồng cho quân tục-vệ; còn quân các đạo thì, khi yên-hận, cho chia phiên nhau về làm ruộng để đỡ tổn công khó

Tồ chức bình bì hói Trần-soái dai-dề là, lực bình, tuyện theo ngành sò đa dinh, lực có chiến tranh, cử chieu sò dinh, goi tất cả trai trang ra link, ai cùng là quân cùng nhau góp sức chơn: giác. Cho nên CƯONG MỤC, quyển 6, tờ 27b dã đưa vào tài-liệu của LỊCH TRIỆU HIỆN CHUONG mà kết luận rằng: « Khi vở sự thì cho tân về làm ruộng nơi đồng nội : lực có việc thi toàn dân là quân lãnh cả ».

3) TRÌNH ĐÔ VÂN HÒA. — Trừ trước, theo pháp chế đã đặt, quân sỹ Thiên-thuộc (1) không được tập văn

(1) Đội Trần đạt lang Túc-mộc (quê cascade Trấn. nay thuộc phủ Xuân-trường, tỉnh Nam-dĩnh) làm lang Thiên-thuộc: phái bình lĩnh tuyền ở lang ấy thì gọi là « Thiên-thuộc quân ». 
nghề, là vì «sở đổi hơi kém sức» (1). Đến tháng giêng
năm tân-tì (1281), tuyết lớp trường học phù Thien-
trường, nhưng văn cầm người là ng Thien-thuộc không
dược vào học, là có ý «chuông sức mạnh» (2).

Nên chú ý: cái lẽ trên đây chỉ áp dụng cho hàng
quản Thien-thuộc, chứ đối với quân sĩ các lò khác,
không thấy hạn chế như thế.

Các cấp trường ta dưới quyền tiết chế của Hùng-
dao vương không biết có được tập «văn-nghề» hay
không, có điều chắc chắn là họ tất có được học, nên
khi duễn bảo họ, ngoài mọi viết hiện bằng Hán văn mà
cũng có thể thông dùng được. Nhưng chắc họ cũng
chỉ thiệp liẹp kinh sự, học hành ít nhiều, chứ không
dược tình thông «văn nghĩa» cho lắm; chẳng thê, trong
bài tích ngoài dâa phải nói: «Nhữ đăng thể vi
tướng chúng, biết hiểu văn nghĩa, kỹ văn kỹ thuyết
nghi tìn tướng bán...». (Các người nói đồi, làm con
nơi nhà tướng, không thông hiểu văn nghĩa, nghe lôi
ta nói, mưa tin, mưa ngữ...).

Rồi trong bài tích ấy, ngoài khuyên họ nên luyện
quận lĩnh, tập thành cung tên, khiến mỗi người là
một Bằng-Mông (3); mỗi nhà là một Hậu-Nghề (4).
(Huấn luyện sẽ tốt, tập nhị cung thì, sự nhân nhân
Bằng-Mông, gia gia Hậu-Nghề...) (5).

(1) Nguyên văn trong TOÀN THỤ, quyển 5, tờ 61a, chép i
«Khung khi lực nó dã»忍气力毁也.
(2) Nguyên văn trong CUONG НIЄС, quyển 7, tờ 23b, chép :
«Vu dũng lực dã»務勇力也.
(3) (4) Hai nhà thiên xã ở Trung-hoa xưa.
(5) Xin coi toàn văn bài Iľch qua bản dịch ở chương chín.
Mây chừng có ấy tổ rạng trương sỉ đúng dưới bóng cò Trần Hưng-dao bày giờ chưng vô hơn chưng văn, trọng thực hành hơn nội sự sóng lý thuyết.

4') TINH THẦN CHIẾN ĐẤU.— Khi giấc Mông-cô sang lần cuối, quân sĩ đường thời, do đầu nóng sôi nời yêu nước và tâm lòng cương quyết giết giặc, đã tự động thích trên cảnh tay (1) hai chữ « sát Thất » 殺 革 逕 (2), rồi đổ mục cho cái « tiêu ngữ » ấy lúc nào cùng nội bất lén với « lòng hòa quốc thẩm son ».

Sử chép ngày 12, tháng giêng, năm ław-dâu (1283), giấc Nguyễn phạm Gia-lâm, Vũ-ninh và Đông-ngạn (đều thuộc Bác-ninh), bất được quân ta, thây trên cảnh tay họ đều có thich mục hai chữ « sát Thất ». Chừng cõa dir thích dính rất nhiều.

Giác Nguyên kêu đến Dön-bô-dâu (3) đúng là cõ dài ở đây.

Chi-hậu-cực-thù Đô Khắc-Chung dcực cứu địch, đem quốc thứ đến chỗ Ô-Má-Nhi dòng mà xin hóa (hánh thành) để đó xem tỉnh hình hư thực bền dịch.

Ô-Má-Nhi vấn hồi Khắc-Chung : « Quốc-vương vở lệ, báo người thich chữ « sát Thất », khinh lớn thiên bịnh : lôi ấy to lầm! »

Khắc-Chung đáp : « Chỗ nhà cân người lọa, có phải là chữ xui đấu. Do lòng trung phán, Họ tự thich chữ đầy thời. Quốc-vương không biết đến việc

(1) Căn cứ vào lời Đô Khắc-Chung nói : « Do lòng trung phán, họ tự thich chữ đầy thời. (TOÀN THÚ, quyển 5, to 46b).

(2) Giết ng Thất-dài, tức là Mông-cô.

(3) Bến Dön-bô sòng Cái nay là Hồng-hà ở địa phận huyện Thường-phúc (Hà-dông).
dỗ. Tối đây là một căn thần, sao lại riềng không thích chữ ? »

Nơi dứt, Khắc-Chung liên vấn cảnh tay, chia cho Ô-Mã-Nhi xem (1).

Xét việc thích chữ « sát Thất » và việc tiêu tốt Trần Lai chia xẻ miếng cóm hâm với vua Trần Nhân-tông trong khi nhà vua phải chạy ra Hải-dông, đối long tử sang sớm đến chiều tối (26, tháng chạp, năm quy-mùi, 1283) để kháng-chiến Mông-cố, dự thấy quân nhân hồi đầu Trần hậu hết là những người đã có tinh thần chiến đấu, lại giàu cảm tình, thân yêu cặp lẫn-dao, cặp chỉ-huy.


(1) TOÀN THỤ, quylv. 5, tô 45b - 46b ; CUỘNG MỤC, quyển 1, tô 33a - 34b.
CHƯƠNG BA

XÃ-HỘI VÀ SINH-HOẠT DÂN-CHỨNG TRƯỚC KHI KHANG NGUYỄN

Muốn rõ trạng thái xã hội và trình độ sinh hoạt của dân chung hội đầu Trần trước khi có mấy cuộc ngoại xâm dẫn dắt, nay cần phải xét qua các phương diện chính trị, kinh tế xã hội và văn hóa trong thời.

Chính trị

Lên thay triều Lý (1010-1225), gánh việc giữ nước chẩn dân từ năm đầu đại (1225), nhà Trần, về mọi phương diện, đều có tổ chức.

Cùng đồng độ ở Thăng Long, nhà Trần chia trong nước làm 12 lộ (1). Lại có phủ, châu và trấn (2) đặt

(2) Như Tần-bình, Nghệ-an, Thái-nguyễn và Lạng-giang.
thuộc vào lở. Nơi biên viễn, gọi là trại (1). Đan-vi dưới cùng là xã và sách (2).

Khi thái-từ đã có năng lực làm việc thì vua cha những ngôi cho con, xưng là «thương hoàng», để con tập sự cho quen mọi việc quán quốc, nhưng phạm vẫn để giữ quan trọng vấn do thương hoàng giải-quyết. Thương hoàng gọi vua con là «quân gia». Nhân dân gọi vua là «quốc gia».

Cùng như các nước quân chưởng, đường thời, chính-thể trở Trấn là chính-thể phong-khiêp.

Đầu thang giải cấp trong xã-hội là thiên-tử, dưới là thứ dân, cùng tốt là nô, tì và hoành (3).

Trước phong thi có đại-vương, vương, quốc công, công và hầu...

Thái-áp thì có như An-phủ, An-dướng, An-sinh (4) và An-bang (5) là áp phong của Trần Liệu...

Nhà Trấn lấy nhân hầu, thần dân lắm cơ bản chính-trị.

Năm tân-hội (1251, niên hiệu Nguyên-phong thứ nhất, Trần Thái-tôn (1225-1258) chinh tay viết bài mình ban cho các hoàng-tử, dạy những điều trung (trung thực), hiểu (hiểu thạo), hóa (hoa thuận), tôn (khiêm

(1) Như trại Quy-hoa, trại An-bang...
(3) « Hoành » là hàng người phải tôi độ, bị liệt làm no lê.
(4) Ba xã này thuộc huyện Đông-triều, Hải-dương.
(5) Tên một trại, nay thuộc huyện Yên-hưng, Quảng-yên.

T.K.D. 2
nhận), ổn (ihn tồn), lương (hiện lương), cung (cung kinh), kiến (liệt kiến), TOÀN THU, quyển 5, tờ 17a.

«Đầu đời Trần chỉ đánh thuế mà vào diện thể, còn hàng dân dính cùng tung thì đều được miễn. Đối với những người nghèo khó yếu đuối, tổ ra trường xót, khanh dung, thật là thiên chồng» (LỊCH TRIỀU HIỆN CHƯƠNG, QUOC ĐƯNG CHÍ, quyển 28).

Khi được tin cảnh báo về việc Mông-cô lại gây hấn, Trần Nhân-tông (1279-1293) đi đến Bình-than (1), họp các vương hậu và bách quan để bàn tính mưu chưroc đánh và giữ (tháng mười, năm ngo, 1282).


Đối với hàng gia đọng các nhà vương hậu, chính vua Nhân-tông vẫn thương giỏi tên để chứng tỏ rằng giữa ngại và hợp cùng đẩy những yếu thương và âm cung.

Về chính-trị, ngoài những việc đăng kẻ ấy, nhà Trần còn theo con đường triều Lý đã vạch trước, cũng làm lể tuyên thể để rằng-buộc nhân tâm. Hàng năm, cứ đến mừng 4 tháng từ thì hỏi mình ở đến

(1) Nay là Bân-tham thuộc huyện Quế-dương (giáp Lạc-dầu) tỉnh Bạc-ninh.
(2) Nguyên văn: Giải thiết: «Chiến l» Văn nhân đồng tự

như xuất nhất nhất khắc phả đi : «戦l 》万人同許, 如出一口.
sơn thần Đông-cô. Quần thần nhóm họp cụ dây, cùng nhau uống máu ăn thể. Viên trung-thù kiêm-chính-tuyên lời thể rằng: "Làm lời, phải hết lòng trung làm quan, phải giữ thanh bạch. Ai vô lời thể này thì Thần-minh giữ chặt" (TOẢN THU, quan 5, tờ 4a-b; CUONG MỤC, quan 6, tờ 5a-b).

Kinh-tế

Kinh-tế đầu đời Trần là kinh-tế nông nghiệp và ngư nghiệp.

Những việc lược kể dưới đây, từ đầu Trần Thái (1225-1258) đến đầu Trần Nhân (1279-1293), đều là chinh-sự nhằm theo mục đích trọng nông cá.

Sự khoảng thời gian ngót bày muroi năm ấy, fit thấy Sư cụ chẹp đến nan đời, đủ biết bày giới dân cùng đầu ăn. Mãi đến tháng tam, năm canh-dân (1293), niên hiệu Trưng-hưng thứ sau đời vua Trần Nhân-tông mới thấy Sư chẹp có nắn "đại cơ" (dời to); ba thung gao (1) giá một quan tiền (nhat cương). Nhiều nhà dân gian phải bán ruộng đất và con cái cho người ta làm nợ thì: giá mỗi đầu người chỉ có một quan! (TOẢN THU, quan 5, tờ 59b; CUONG MỤC, quan 8, tờ 16b).

Đó vì sau mấy phen Mông-cô xâm lấn, phần thì bị giặc tàn phá cướp bóc, phần thì tảo loạn, nhân dân không làm ăn cây cấy được.

(1) TOẢN THU chép là: "Mễ tam thằng trĩ tiền nhất cương". CUONG MỤC chép là: "Mễ nhất thằng trĩ tiền nhất cương" Đặng theo TOẢN THU. — Mỗi thưng là 316 làc khó, ăn 10. 334638 cống thằng.
Ngày lập xuân, vua sai người tổng-trưởng (1) cầm roi vút vào con trâu đất (thơ ngữ), xông dấn đáy, thì quân than quan liêu, trảm báo, hoa hột, vào trong nội, hội họp yên ấm (2).

Tháng ba, năm mẫu-thân (1244), sai các lô đáp để ngửa nước, từ đầu nguồn đến bờ hè, gọi là đê « Quai vạc ». (Đình nhị) đê ngân hồng thủy ngập lụt. Đất Hạ-đề chính phó sứ đê coi quân, Hê khúc đê nào đáp vào ruộng từ củ dân thì do xem chỗ đáp là bao nhiêu, rồi cử chiều theo giá ruộng mà dến tiền (TOÀN THU, quyeën 5, tờ 13b).

Tháng tư năm Ất-mão (1255), tuyên tân quan làm Hạ-đề chính phó sứ ở các lô. Khi mùa lắm ruộng dã xông, độc suất quân lãnh đáp bỏ đê, khi người lạch đê phòng-ngửa nước lụt và hạn hán. (TOÀN THU, quyeën 5, tờ 20a-b ; CƯƠNG MỨC, quyeën 6, tờ 37b-38a).

Hằng năm, mồng một tháng mười Có té « Com mới » hoặc « Xôi mới » (3) : làm lề cùng té tô tiền ; thân liêu (quân thân, quan liêu) được đi thấm ruộng gặt lúa, săn bòt (4) để mua vui (AN-NAM CHÍ LƯỢC, quyeën 1, tờ 12a).

Để thu lợi & những ruộng công, đường thời,  

(1) Ngữ trống họ trong tổng-thất.
(2) ANNAM CHÍ-LƯỢC chỉ chép như thế, chỉ không cắt nghĩa.
Vay ngày trống nên giải thích cho rõ : Đò là một việc ngữ nghĩa khuyên nông. Nhận tiết lập xuân, bắt đầu am đáp, có thể khởi sự canh nông, cho nên quê quân cử một người trong họ đăng thay mà, dùng rối hột tran cây ruộng. Lấm lề xong thì dời tốc ăn mừng.
(3) Nguyên văn chép là « tien tân » (đang của mới).
(4) Nguyên văn là « bò liệp ».  

dưng hàng người phải tội đồ bị liệt làm «cạo diễm hoành» (1), cho ở vào Cảo-xã (nay là xã Nhất-tảo), bất cậy công diễm: mỗi người làm ba màu, mỗi năm phải nộp ba trâm thùng (2) thóc (TOÀN THU, quyền 5, tờ 6a; CƯƠNG MỤC, quyền 6, tờ 9a).

Nhận dân, hàng năm, phải nộp tiền «thần dịch», qua tế thằng giếng và thằng bảy thì đúng sam cả cả làm gào.

Tắc-gịa AN-NAM CHÍ LUỘC chèp: «Nồng, thương bất trung lượng thuế» (3). Rồi chưa rằng: «Đạt hẹp, người đông, đối trước đất ra phép này để nhế thue mà cho dân».

Đô là cái phép đất từ đối trước và chừng chỉ áp dụng ở lúc bình thì, chủ trong khoảng ba muỗi một năm, từ đình-ty (1257) đến mau-ti (1289), nhà Trần phải lo đối troi với giấc Mông-cô, chắc phải chi-tiều vào việc binh lương rất nhiều, thì vẫn để kinh-tế trong mấy cuốn chiến tranh tự vẻ ấy tất phải trọng vào sở thóc và tiền lạy ở ruộng cỏ, ruộng tự mà ra cả.

(1) Hàng nở lé (hoành) phải làm thương «cạo diễm».
(3) Câu này rất khó hiểu. Tra Từ NGUYỄN thì «lương» có nghĩa là «thué ruộng, thuế đất»: «thué» theo HÀN THU, có nghĩa là thuế mộ. piàn nuòi về ruộng nông và thuế do những hàng công (thô), thương (huyện bản), ngư (quản cơ nuôi và châm) hành (quản cơ ruộng nuôi) gop vào. Vậy ý chỉ trong AN-NAM CHÍ LUỘC ấy muốn nói: nông không phải Đông thuế ruộng, thương không phải góp thuế biên bản.
Sử chép: nhân định có ruộng đất thì phải góp tiền và thốc (1); ai không có ruộng đất thì được miễn cả.

Người có một hay hai mầu, phải góp một quan tiền.

Người có ba hay bốn mầu, phải hai quan.

Người có năm mầu trở lên, phải ba quan,

Thuế ruộng: mỗi mầu phải đóng trăm thùng thốc:

(TOÁN THU, quyển 5, tổ 13a; CUỘNG MỤC, quyển 6, tổ 22a).

Bây giờ thứ so-sánh với thuế đỉnh, thuế diện đối sau, thì thấy hồi đầu Trần còn nhẹ hơn nhiều:

Thuế đỉnh:

Đầu đổi Trần (từ năm năm-dần, 1248, đổi Trần Thái-tôn):

Tuy có đánh thuế đỉnh, nhưng thật ra, chỉ những người nào có ruộng thì mới phải chịu thuế.

Hội cuối Trần (duôi triều Đề-Hiền, từ tháng bảy, năm mầu-ngo 1378, niên hiệu Xương-phù thứ hai vừa sau):

Dình-nam mỗi năm phải đóng ba quan tiền; không cứ là có ruộng hay không ruộng, ai cũng đều phải chịu thuế, chỉ trừ bình linh (CUỘNG MỤC, quyển 10, tổ 44b-45a).

Thuế diện:

Hội đầu Trần:

(1) Có lẽ tức là thquotes; thái tiêu” như AN-NAM CHÍ LƯỢNG đã chép.
Dàn gian, từ dien, mırl mǎu nớp ba thùng thóc:

Dai đầu, mırl mǎu, nớp chinh tiên (cửu cưỡng), hoặc bày tiên (thất cưỡng) (1).

Đỗi Hồ Hán-Thương (từ năm hãm-ngo (1402)
nień hiếu Thiếu-thành thứ hai về sau):

Ruồng, mırl mǎu, nớp năm thùng thóc.

Đái đầu chia làm ba bắc:

Thượng dùng: mırl mǎu năm quan (ngũ miền);

Trung dùng: mırl mǎu bồn quan;

Hạ dùng: mırl mǎu ba quan.

Định-nam phải đồng góp, lạy ruồng làm «ngạch»
nghĩa là tinh theo tý-lệ số ruồng nhiều hay ít:

Cỗ ruồng từ hai mähr sau sáo trở lên, phải góp
ba quan (tám miền); dưới số ấy được giảm dân dân;

Người không ruồng, hàng con cỏi, vợ góa mà có ruồng
cùng đều được miễn (TOÀN THU, quyền 8, tờ 42a;
CUONG MUC, quyền 11, tờ 44a-b).

Như vậy chúng tôi rằng thuế mà hỏi đầu Trần
nhẹ hơn đối Đế-Hiền và đối Hồ Hán-Thương.

Ngoài các thuế, khi cần làm ruồng cho quan sĩ,
lại còn phải nộp ở lòng trọng nghĩa và sức lạc quyền
của dân. Chúng có là, có lăn, Hạng-dao vương đẳng
phải khuyễn các nhà giàu quyền thòc để cung quan
ruồng rồi ngoài thương cho hàm lang-trồng giả.

Bên nông, sự sách ít chép đến thương (buôn bán)
và công (thợ), nên nay khó biết trạng thái công thương
ở thương thời ra sao được.

(1) Đổi Trần, mỗi quan 10 tiền, mỗi tiền 70 hoặc 69 đông kèm.
Đầu vậy, nhận việc sự chép về Văn dồn: «tục dân lai buôn bán làm nghề sinh sống» (TOÀN THU, quyền 5, tờ 53a; CUỘNG MỰC, quyền 8, tờ 5a), ta cố thể suy đoán rằng những mien duyên hài và hài đạo bây giờ, vi tiền lợi và đường giao thông mặt thủy, thương nghiệp đã mạnh nha. Và, nhân cầu «Nông thương bắt trung lượng thuế» trong AN-NAM CHÍ LƯỢC như trên đã dân và việc vua Trần Thái tôn sai thơ khắc gởi làm ăn dể dùng vào việc văn thư trong quân năm Đình tỉ (1257) thì nay ta lại co thể quan niệm rằng bây giờ, ngoài nghề nông, dân·chủng cũng có thương nghiệp sinh hoạt và công nghiệp sinh hoạt (1).

Hồi đầu Trần chủng có ý coi trọng ché·dỗ tư hữu tài sản của dân gian, nên đã có việc bán ruộng công làm tư điện và có luật trừng phạt trở cướp rarrêt nghiêm khắc.

Sử chép: Tháng sau, năm giáp·dần (1254), bàn quan điện, tức là ruộng công, mỗi một «diện» (2) là năm quan tiến cho dân tẩu làm ruộng tư (TOÀN THU, quyền 5, tờ 19a; CUỘNG MỰC, quyền 6, tờ 36b-37a).

Kể cường đạo (hang cướpối hai) thì phải chém.

Trộm, cướp (thiet, đạo): sở phạm đều phải phạm tám muối trường và bị thích hai chủ «phạm đạo».

(1) Cờ điều nén nhớ: Đời Trần tủy có công nghiệp sinh họa, roi, nhưng người thấy tùy giờ chi là hàng người làm việc thụ công theo lối công nghiệp gia đình, chủ không giống như công nhân là hàng thương thuật liên bản sử cào đong nguyên nay.

(2) Bây giờ gởi «mầu» là «diện»; mỗi «diện» tức một a mầu.»
犯逆 1). Những vật đã trở cướp ấy thì cứ mỗi một cái là phải đến chỉnh phần muối (2). Kể não không đến nơi thì tịch thu vợ con. Phạm lấn thứ hai: phải chặt chân tay; phạm lấn thứ ba: phải giết chết (AN-NAM CHÍ LỤC, quyền 14, tờ 5b).

Cùng vi đường-thời đường ò vào đôi phong kiến, lại có chẽ đỏ gia-nô và gia-dòng, nên hàng người mặc nô và đâm cùng-dân không được nâng đỡ.

Nam bình-tuất (1226), đặt phép tiên tế: Tiền dân gian tiêu dùng với nhau gọi là «tình mạch tiên », mỗi tiền là 69 dòng kẽm (vân); tiền đông gọi là «thương cung tiền», mỗi tiền 70 đồng (TOÀN THU, quyền 5, tờ 3 ; CƯƠNG MỤC, quyền 6, tờ 4b).


Xã-hội, phong tục

Xã-hội đường-thời là xã-hội phong-kien dùng trên nên tăng kinh-tế nông nghiệp.

Hàng nò (tội trai), tài (tội gái) của các nhà vương

(1) Phạm tổi trộm, cướp.

(2) Nguyễn văn: «Nhất thưởng cứu phần » 一償 九分.

(3) Nguyễn văn « Cung dân bất cấp giả hóa điều tức vi nhân » 賜民不給者許典賜於人.
hậu phần nhiều là do từng lớp vào sân siêu giá teg (sử chép là "phień tan vào sân nhân") hợp thành. Khi được các vương, hâu, công chúa, Phó-mã hoặc đề cơ (các vò lê vua) chiếu tập làm nhớ ti, thi họ thường phải làm công việc khai khẩn ruộng hoang, lập thành diện trang. (Việc các vương hậu có «trang» này bắt đầu từ tháng muội, năm bình-dàn, 1266. Theo TOÀN THU quýen 5, tờ 30b).

Họ tuy làm việc cho «lính chủ», nhưng cũng được dụng vò gả chòng và cu-trú & chở ruộng đất mà mình đã gop công khai khẩn.


Sinh hoạt xã hội ấy còn kéo dài mãi đến niên hiệu Quang-thái thứ muội (1397) đổi Trần Thuận-tôn (1388-1398) (1).

Phỏng theo pháp ché đổi Lý, tháng tâm, năm mẫu-ti (1228), nhà Trần làm số sách về nhân kháu ở Thanh-hóa.

Hằng năm, sai xăm quan khai báo nhân kháu, gọi là «đan sổ». Rồi cân cứ vào số sách, chia ra các

hạng: vẫn vụ quan giai (quận chánh vẫn vô), từng quan (quận lại phó, phó), quận nhân, tập lưu, hoàng nam (trai tráng), lung lão (hạng già lão), bất cử (tàn tét), phó tích (ngu cử), phiêu tán (siêu bất), v.v... Người có quan trước mà còn cháu được thưa âm thì còn cháu mới được làm quan. Những người giàu có mà không có quan trước thì đổi ấy đổi khác cử phẩm đi làm bình lĩnh. (Clai Ong Mục, quyền 6, to 6b-7a). Cái chế độ « còn nhà lĩnh cử truyền đổi phải đi lĩnh mà không được bước vào sở đó » nay còn tồn tại mãi đến đời Đế-Hiện (1377-1388).

Trình độ sinh hoạt bây giờ hãy còn đơn giản, nên phong tục trong dân gian cũng thuận phá, mà tự triều đình đến dân dã đều lấy tôn-giao làm trung tâm.

Tối 30 tết, dân gian tốt pháo ông linh ở đầu công nhà và làm cơ bản cũng tổ tiên.

Mồng năm tết, nhà vua tan tiệc yên khai hạ rói, đề cho quan lại và nhân dân đi lễ chùa, lễ đền; chơi ngâm thơ, ngon game cắc vươn hoa có danh tiếng.

Tháng hai, dưng xuân-dài (1). Phường chế (linh nhân) người, dân muội hai vị thần, ca mừng ở trên dải. Vua cho mọi người dầu bốc sâm đền (quận đình); xem người khỏe vết nhau, trẻ con vật nhau. Ai thằng thì được giải thưởng. AN-NAM CHÍ LUỘC, quyền 1, to 11a-b).

Tết Hán-thực (2) làm bánh trời (quên bình đa bieu nhau.

---

(1) Bộ Lé giỏi là dại « khẩn xuân ».
(2) Theo lịch thì Hán-thực vào hai ngày trước tiếp Thanh-mía.
'Túc là thường ăn lèt Hán-thực vào ngày mong ba tháng ba.'
Mồng 4 tháng tự là ngày hội tuyên thệ ở đèn Đồng-cô. Dân chúng kéo nhau đi xem và nghe, đáp dulu nam nữ, người đông như nem. Đối cho là một đam hội vui làm.

Tết Đoan-trường (mồng năm, tháng năm) làm chơi ở trong sông, vua ngồi trên chơi, xem thi boi, chèo dò.

Cuối xin: vào tháng xuân, người mỗi dưa câu đến nhà gái, giảm hồi (thông văn). Hoặc dân tiễn bậc thi từ hàng trăm đến hàng nghìn. Những nhà chuồng lẻ nghĩa thì bất luận sinh lẻ nhiều hay ít (AN-NAM CHỈ LỤC, quyền 1, tờ 12a).

Khi Trần Quốc-Tuần lấy Thiên-thánh công-chúa chính mẹ nuôi ngoài là Thuy-Bà công-chúa (1) tự y, dân đến 10 mam vang sông làm sinh lẻ CUONG MỤC, quyền 6, tờ 34a).

Vương hậu và thứ dân thường mặc áo có trọn (viên linh), quấn thấm (buyên thượng), the luật trang (bạch la), thất lung lua (hoàn khổ). Giày dép thi thích làm bằng da.

Vương hậu tự yêu Quóc chủ thì không đối khẩn, tổ ra là thần và sang; thứ dân không được đến hậu gần. (AN-NAM CHỈ LỤC, quyền 14, tờ 5a).

Bây giờ có các món chơi như troi gà (2) đánh câu và đánh vật...

(1) Thuy-Bà là chị đưa Trần Thất và là cơ được Hưng-dạo. Trong AN NAM CHỈ LỤC, có chữ cùng nói đến một công-chúa hỏi đầu. Trần tên là Thuy-Tur. Có lẽ cũng là một người mà một sách trưng một khác, vì chữ "bà " Và chữ "tr " gần giống nhau.

(2) Cố bài Hịch lường si của Trần Hưng-dạo.
Quả cầu tốt bằng năm tay tre em, sang thì kết bằng gấm. Khi tung ra, cọ thụ không bắt được, thế là thua (1).

Đánh vật, sự chêp là «giao diệt». Năm nhắm-thin (1232), con Trần-Thừ là Bà-Liệt (sau được phong Hoại đức vương) là người góc vô nghĩa, tình nguyên đăng vào đối «Đánh vật» (Giao diệt đối); một hôm, nhân chuyển đánh cả với một người trong đối. Bi vật ngã, chen họng, nghiêm thời, suyệt tất hoi. Trần-Thừ bấy giờ làm thương hoàng, phải can thiệp, Bà-Liệt mới khỏi chệt 2).

Về phụ nữ, phần «Chương phục » trong AN-NAM CHÍ LUỘC có chêp : Đò mặc thường cửa vua thì quy màu trắng. Người nước ai mặc đó trắng thì là trái phép (tiêm chê) ; duy với phụ nữ lại không cảm trang sức bằng đó trắng.

Tháng hai, năm nhắm-tuất (1262), vua Trần Thái-tôn về chơi hành-cưng Túc-mặc (3) có thưởng cho dân bà làng Túc-mặc mới người hài tăm lửa (TOÀN THU', quyên 5, tờ 27b).

Một người gái quê tuy bị tuyên vào cưng, đã được lập làm thứ-phi rồi, nhưng nếu muốn ra khỏi cưng cảm, trở về nhà mình, lấy chồng khác, thì cùng dễ dàng, chữ không bị bố buộc gì cả. Điều đó, ta thấy ở truyện «Văn-xuân phi » như đã chêp ở phần «Nhân vật » trong AN-NAM CHÍ LUỘC.

(1) Cố phần « phong tục » trong AN-NAM CHÍ LUỘC
(2) TOÀN THU', quyên 5, tờ 7a; CUỒNG-MỤC, quyên 6, tờ 11b.
(3) Nhay thuóc quê Xuân-trương, tỉnh Nam-dình.
PHÁP LUẬT XỬ HÀNG ĐÀN BÀ CÓ CHỒNG MẤT PHẠM TÔI
ngoại tình, tức hàng đàn phụ, cùng không tận lực
như hình phạt đối sau kẻ vớ «đồng bể
trôi sông» hay là «voi giây, voi xế».

AN-NAM CHỊ LUỘC chép rằng: «...Đảm phụ thi
xử cho vể với chồng mà làm tì (tớ gái), và chồng
được phép tự tiến dem đợ hay đem bán...»

Đàn gian, nam nữ kết hôn cùng rát dễ dài: nếu có
dàn tiến cuối thì đến một trăm (1). Nếu là con trai
còn gái nhà nghèo thì không có lễ hôn thụ gì cả, họ
chỉ tự do kết làm đôi lừa với nhau thôi (2).

Có điều đáng chú ý là, đối Trần, trong hoàng tốc,
dồng tình kết hôn, những tức ấy chỉ riêng ở hoàng
gia, chứ không thường hành trong đàn chung (3).

VĂN - HÒA

Văn-hoa hỏi đâu Trần cũng rất tàn tơi, thịnh đạt.

Mỗi khi tuyên đọc lời chiêu-chí của nhà vua,
nhân-viên trong ti Hành-khiên ph i giang cả âm lận
nghĩa cho đàn thường (phàm thụ) dể hiểu TOÀNTHU
quyền 5, tổ 55a). Thế nghĩa là mỗi lần đọc tờ chiêu
việt bằng Hán văn thì, lại phải giảng dịch ra tiếng

(1) AN-NAM CHỊ LUỘC, quyền 1, 12a.
(2) AN-NAM CHỊ LUỘC, quyền 1, tổ 11a.
(3) CÁN-CỨ VÀO LỜI CỦA SỨ-THÀNH NGÒI SÌ-LIÊN (NGƯỜI THẾ KỶ
MIỆT LÂM) BÀN & SỨ TOÀN THU. quyền 5, tổ 18a: «...Không
đối người khẻ ho mà nơi người cùng ho, kết hôn nhân: chỉ có
nhà Trần làm thế... » (Dịch theo nguyên văn chữ Hán).
Việt để cho dân binh dân cùng được dự biết mọi việc Nhà-nước định làm.

Tháng tám, năm vua-ngo (1282), Nguyễn Thuyên được gọi là Hán Thuyên (1). Thuyên là người gì đi thi phú nóm (2) gây xúc-hướng cho người mình tự thấy hay làm thơ phú bằng quốc âm (3).

Trong AN-NAM CHÍ LƯỢC, mục « Phong tục » có chép: « ... Khúc hát thì có khúc NAM THIỀN NHẠC, khúc NGỌC LÂU XUÂN, khúc ĐẠP THANH ĐU, khúc MÔNG ĐƯureka TIÊN, khúc CẠNH LÂU TRƯỜNG, không thể biết kề. Có khi dùng tiếng Việt (4) làm thơ, phú và ban nhạc để tiên ca ngâm... » (quyền 1 to 12b).

Đối vua Trần Thái-tông cũng rất chú trọng đến sự-kỳ: trước có Trần Tấn do chức thái-tàng thăng hàn-trưởng đã làm được VIỆT-CHÍ, tức là VIỆT SỮ; sau có Lê Văn-Hưu sửa VIỆT-CHÍ tức bộ ĐẠI-VIỆT

(1) Người huyền Thanh-lầm, tỉnh Hải-duảng.

(2) TỔN THỤ, quyền 5 to 41 chép về việc này rằng: Bây giờ có cả sau đến song Lô. Vua (Trần Nhân-tông) sai Hinh bộ thượng-thủ Nguyễn Thuyên làm văn ném vào trong song; cả sau tự đối đi. Vua cho việc do giảng chuyên Hán Đu (đối Dương), bèn cho đạo họ làm hỗ Hân. Thuyên lại gọi phụ thì quốc ngữ (nôm). National ta phụ thị hay dùng quốc ngữ theo bắt đầu từ đây.

(3) Bến đối Trần Anh-tông (1293-1314) có triện-chương học-sê Nguyễn Si-Cô cũng giới thơ phú nóm.

(4) Người văn câu này là: « ... hoài dung thủ ngữ ở thế phủ, nhạc phà, tiện u'ca ngâm ». Đó vĩ tác giả AN-NAM CHÍ LƯỢC gay là người Việt nhưng khi viết sẽ ấy, lại lực đối văn đa ở nhử mot người Mông-cô mà viết, nen mới gọi tiếng la ta « thô ngử ». 

đưa
SƯ-KÝ: chem từ đời Triệu Vũ để đến Lý Chiêu-hoàng gồm ba mươi quyền (1).

Năm dinh-hội (1227), mở kỳ thi cho các con nhà tam giáo là Nho, Đạo, Thích muốn noi theo nghiệp nhà.

Năm الخم-thin (1232), mở khoa thi Thái học sinh, tức là khoa thi Tiến-sĩ, chia làm ba gấp 2 để định cao thấp.

Tháng hai, năm dinh-mùi (1247), đặt ra tam khối là tranh nguyên, bằng nhơn và thám hoa, (TOÀN THU, quyền 5, tổ 15a-b).

Tháng tam, năm dinh-mùi (1247), lại mở các khoa thi thông tam giáo (Nho, Đạo, Thích), có chia làm gấp khoa và ít khoa. (TOÀN THU, quyền 5, tổ 15b).

Tháng sau, năm qui-sứu (1253) lập Quốc học viễn, tổ trường Không-tứ, Chu-công, Á-thành (Mạnh-tứ), vệ trường 72 người hiện (học trò Không-tứ) để thò.

Tháng tam, năm ấy (qui-sứu, 1253), lập Giảng-vũ đường.

Tháng chính năm ấy (qui-sứu, 1253), tuyên nho sĩ trong nước vào Quốc-tứ viễn, giảng Tư thư, Lục kinh (3) (TOÀN THU quyền 5, tổ 19a).


(2) Giáp thư nhất, giáp thư ba,

(3) Việc giảng này đến đời Trần Anh-tơn vẫn cứ tiến hành. Sư chem: năm Hưng-long thứ mười bốn (1306), Nguyễn Si-Cô do chiếc tiến chương học sĩ làm việc giảng Ngữ kinh.
Hồi đầu Trần, trình đồ Hán văn đã cao. Những thơ, biểu về việc ngoại giao với Mông-cố; lời văn thịnh sống và mạnh, lý sự thi nhũng và danh. Chẳng hạn như tờ biểu năm bình-dân (1266) xin nhà Nguyên miên tuyệt các tử tài (1) và các thơ thuyết, tờ thơ năm tận-mủi (1271) gửi cho Trưng-thu nhân nhà Nguyên để biển bách về việc không chịu làm chúa thu của vua Nguyên và không chịu dem với biểu Mông-cố, đều là những ám văn thâm ngoại giao rất có giá trị (2).

Bên cạnh Hán văn thịnh đạt ấy, bày giờ cũng không quên nghiên cứu và học tập cả tiếng miền, tiếng thất, tiếng phiền... Cho nên nhiều người đương thời như Trần Nhật-Duất và Trần Quang-Khai đều thông hiểu các thứ tiếng ấy.

Nói tóm, hồi đầu Trần, lấy nhân hậu làm cơ bản kiến quốc. Đối với trong họ tổng-thất thì giữ tình hòa mục yêu thương (3); đối với nhân dân, thì có ý bình dị gần gũi. Tuy trung-uống tập quen, nhưng chính-sự không độc tài chuyên chế; tuy phong trước, ban thái áp, nhưng uốn nhanh chóng chia rẽ tranh

---

(1) Xưa dùng tiếng « tử tài » có nghĩa như là kẽ si, tức chỉ vers hang người nhờ si và thày thuốc, v... v...

(2) Nguyên văn có chép trong NGUYỄN SŨ, quyển 209. Sẽ đậm
và dịch ở chương năm.

(3) Xin dẫn-cứ một việc như: tháng giêng, năm nhà-thọ (1268), vua Trần Thanh-tôn báo các uốn nhan trong họ tổng-thất, tan cháu, vào trong diện nội và nhà Lan-đình, cũng nhân ổn uốn, có khi tôi đến, không vế được thiệt giải đài, chấn rồng, liên quan ngù chung để tô tính hậu đại. Đó là thực hành lôi giữ thường nhận -cùng các anh em và con trong họ: «...chỡ đồng báo mau mủ, lơi thì cũng lo, vui thì cũng vui » (TOÀN THU, quyển 5 tờ 31b).
giành, mà biết đồng lòng hợp sức, chống giặc ngoại xâm (1).

Văn hóa thi có sáng kiến đặt thor phụ nòm, làm nhãc pha nòm, học rộng các tiếng phien, tiếng mán... 

Đã trọng cả tam giáo (Nho, Đạo, Thích), mà riêng về đạo Phật, lại tổ rất sung và có sở dắc.

Nói đến Phật học đường thời, tát phải lấy vua Trần Thái-tông và vua Trần Nhân-tông làm tiêu biểu: Trần Thái có làm được kinh KHÓÁ HU, Trần Nhân có nhiều câu kể trong tập Trần triều thường sự nghệ lục. Những kinh kể ấy có sức rất mạnh trong công cuộc giải tha, dở tha. (2).


Hội nghi Điền-hông chúng tổ rạng đường thời lấy «dân làm quỷ», nên gặp những giờ nghiệm trọng, nhà cầm quyền cũng vui lòng hội ý dân về những việc có quan hệ đến vấn mệnh nhân dân toàn quốc.

(1) Tuy cùng có một vài tên phán quốc như Trần İlk-lắc và Trần. Kết, nhưng đó là con sở rất nhỏ.

(2) Giác ngộ người khác, icide người khác.
Cô thể nói đó là cái mặc chính-thể lập hiện của đối sau...


Và, trong QUỐC SƯ TỈỂU HỌC LƯOC BIẾN tiệt thứ 24, dưới đấu đề là "Trần gia hòn phong, cùng chép..." Nhà Trần, có cháu và anh em con chú con bác đều lấy lẫn nhau... Nhưng mà quốc dân không biết lạy theo. Sự giá thứ nơi dân gian, trước giờ, trong chỗ huyệt tổ, giũ rất nghiêm. Là vì cái học luân lý đã sáng tổ, nên thời kệch một thời không thể lạy chuyên hóa được v. (Dịch theo nguyên văn chữ Hán)
CHƯƠNG IV

LAI-LỊCH VÀ LỰC-LƯỢNG MỞNG-CỜ

Mông-cơ là một giống hùng dũng hung tốn, đã từng chà đạp nhiều nước châu Âu ở hồi thế kỳ mười ba và làm chủ nhân ông tại Trung-Quốc hàng tam mùa chín năm đăng-dăng (1279-1368).

Thế mà hồi đầu Trần, từ dinh-ti (1257) đến mậu-ti (1288), một khoảng thời-gian ba mùa một năm, ta phải dường đầu với quân cương dịch ấy trong ba cuộc chiến tranh tự vệ, kết cục ta quyết sách được giải ngoại xâm, giữ vững được độc lập thì, không đòi phải nói, nay cũng có thể tường biệt được cái năng lực của dân tộc Việt-nam ở dường thời là thế nào.

Hãy giờ muốn rõ lòng cuộc kháng chiến Mông-cơ mà quan, dân đối Trần đâu phải bấy sinh biệt bao xưởng máu để được Trần Hùng-dạo viết thành hai chữ «thắng lợi» trên trang sử oanh liệt ấy, ta nay cần phải xét đến lại-lich và lực-lượng của đối phương.

Từ lực quyết khởi đến hồi toàn thịnh
Ở phía bắc nước Trung-hoa, từ đối Dương

Năm 1206 (tức năm Trị-binh-long-ung thứ hai đời Lý Cao-tôn bên ta), Thiết-Mộc-Chấn (Témoudjine) mở rộng đất dai, lén ngồi hoàng đế, tự hiệu là Thành-cat-tur-hăn (Gengis-Khan).

Từ năm 1222 đến năm 1279, trải các đời vua Oa-Khoát-Thái (Ogotaï) (1), Mông-Kha (Mongkê) và Hô-Tắt-Liệt (Kouldai) (2), Mông-cô đã giày đạp trên đất Âu-châu đến bắc lân và giết hận nhà Tông (1279) mà làm chủ toàn bộ Trung-quốc. Đây giờ phảm vi thế lực Mông-cô rất lớn : dòng từ Cao-ly, tay đến Tiếu Á-tế-a (Asie mineure) và Nga-la-tur, nam tới Nam-hải và Án-dơ dương, Bắc đến Tây-bá-loyd-a (Sibérie) : Địa bàn rộng suốt từ Á sang Âu ,thật là một đại dé-quốc, trước đó, chưa từng thấy trên lịch sử.

Xệt qua bình-chế Mông-cô

Ở một chương trước, ta đã biết sơ binh chỉ đời Trấn rôi ; nay thử xét qua bình chí Mông-cô để quan-niệm đời chệt về lực-lượng của đối-phương :

Bình chỉ đời Nguyên chia làm hai bộ : trong và

(1) Có sách chép là A-Loa-Dài và chưa là Agotaï.
(2) Có sách chép là : « Koubilt ». 
ngoài. Trong là các quân lực về: ngoài là các quân tranh thủ.

Các quân lực về chia làm quân khiek-tiệt (1) và quân các về (2).

Quân khiek-tiệt thì do khiek-tiệt trưởng cảm đầu, lẽ-thước trực tiếp dưới thiên tử hoặc dưới đại thần do thiên tử sai phái.

Quân các về thì có thân quân đỗ chỉ-huy sử cảm đầu, cùng với các quân tranh thủ đều thuộc dưới quyền Khu-mặt viễn. Cho nên khiek-tiệt và các về tuy đều là quân tức-về họp lại gọi là thân quân, nhưng chức vụ hai bên có khác nhau: Khiek-tiệt, cốt hỗ về thiên tử, là thân quân trong các thân quân. Còn quân các về thì có làm những việc cảnh-về hoàng thành, kinh sư, và cần kỹ, việc phòng thủ, việc doanh thiên và việc đồn diễm, v...v...thịnh thoáng cũng phải di viên chính nữa.


---

(1) Tiếng Mông-cổ, có ý nghĩa là những kẻ «duốc nhở ổn sung cưa thiên tử ».

(2) Quân các về như năm về T’a, Hữu, Trung, Tiền, Hậu và Đương-ngỏt về, Quý-xích về. Vả về T’a-hấu-dỏ-úy về, v.v...

(3, 4.) Trần Bạch-dàng năm mêu-ti (1288), la bất được nhiều trường Mông-cổ trong có vận-hợp, thiên-hợp, tức là hạng và quan cao cấp cảm đầu quan đoti trong vận-hợp phủ ơi ông hoặc trong thiên-hợp sở ở huyện bền Nguyễn duy.day.
đặt tầm phúc thì cắt «quân Mông-cố» và quân thảm-mà-xích (1) truyền thư; từ Giang, Hoài trở xuống nam cho tới hết Nam-hải thì đặt Hán-bình và quân Tân-phủ (2) đóng giũ.

Cuộc xảm lược ta lần thứ nhất vào năm đánh-tịch (1257), Mông-cố điều động có hai nghìn quân, ấy là chúa kề cảnh quân của Á-Châu, con vua Nguyễn, đi sau tiếp viên và đạo quân Ô-Lan-Cáp-Dạt (3) đóng ngay & phia bắc nước ta để uy hiếp.

Cuộc lần cướp ta lần thứ hai vào khoảng quy-mùi-át-dậu 1283-1285), Mông-cố huy động đến năm mươi vạn (500,000) quân.

Cuộc xảm lần ta lần thứ ba vào khoảng bình-tuất-mau-ti (1 86-1288), Mông-cố động viên những ba mươi vạn quan (4) và ba trăm chỉ huy truyền đi biên.

Còn bên ta, chỉ có năm giải-thần 1281) mới phải huy động đến hai mươi vạn quân, vậy mà mọi cuộc kháng Nguyễn cũng chiêm được thắng lợi cuối cùng, dù biệt thế là đức Trần Hưng-dân đã chuyển lương thành phẩm.

Đặc tình và nâng lưỡng quân Mông-cố

Quân Mông-cố đều là những tay thiện ky, thiện

(1) «Quân Mông-cố» (đánh từ quân-xích) là quân trong biên lịch Mông-cố. Quân thảm-mà-xích là quân trong các bộ lịch. Thuận mà-xích nghĩa là quân truyền thư.
(2) Sau khi diệt được kim, Mông-cố tuyên người bác-bồ Trung-quốc làm lãnh, gọi là Hán quân; sau khi diệt được Tông-lai tuyên những người nam-bồ Trung-quốc làm lãnh, gọi là lâ -phụ quân.
(3) Tức là Ngọt-Lương-Hợp-Thái (Wouleangotat).
(4) TOÀN THU chép là «năm mươi vạn quân». 
xa, cuối ngứa rát giọt; bàn cưng rát tái. Trước khi chiến thắng những nước văn hóa, chưa будущее-тюю ảnh choi sung sống, họ có cái phong cách vô dụng, quên nhắc nhân, chịu cực khổ, sợ trường về chiến tranh.

Nhưng ta cũng không quên nhắc đến những thứ đoàn tán bạo, hàm đồng đa man của họ.

Hồi táy chính Âu-châu, quân Mông-cô đa dùng súng làm chiến cụ để đánh quân địch (1), nén sức công kích của họ để lợi hại lắm.

Chuyên đánh nước Hưng (Hongrie) họ đã làm cho muối văn người phải chết khi kinh-dơ Pest thất thủ. Quân Mông-cô kéo tới đầu thì ở đó, từ thành thị đến thôn quê, nhân dân phải trộn, ruộng đất bỏ hoang, cảnh tương thất là diệu tàn thảm đam.

Suốt Âu-châu phải nao nùng hai hung, người Nhật-nhĩ-man phải bông be đất diu nhau, tôi-táp chay trộn. Giáo hoàng Innocent IV cũng phải lên tiếng than trách về những sự phá phách và tàn sát của quân Mông-cô (2).

Chính trong tổ chiều dề năm Chí-nguyên thứ hai muối tâm (1291) gửi cho đức Trần Nhân-tông bên ta, vua Mông-cô cũng đã nói trong rằng : "Theo phép tổ-tông ta đã đặt, hễ những nước chịu qui phụ, than

(1) Theo Tân biên cao trung bán quốc sủ, quyển giữa, trang 139.
(2) Coi Les Mongols et la Papauté của Paul Pelliot, chương đầu, trang 4.
hành vào châu thì ta đeo cho nhân dân được yên như cũ; hễ nước nào chống cụ, không phục, thì tất phải diệt chết... « Và: « Dân của nước người (1) bị giết-trọc thất nhiêu đầy.... » (AN-NAM CHỈ LUỘC, quyển 2, tr. 5b-6a).

Tháng mười, năm mậu-tí (1288), gửi một bức quốc thư cho vua Nguyễn, đức Trần Nhân-tông cùng nói rõ ở trong thư ấy những thứ đoàn tan nước, vỏ nhân đạo của quân Mông-cổ: «...Mùa đông, năm Chi-nguyễn thứ hai mươi bốn (1287), lại thấy đại quân thủy lực tan cong; thiếu dot đến chủ trong nước tôi đào mạt tôi tiến tôi, cướp bóc và bắt sống già trẻ nơi dân gian tôi, tàn phá sán nghiêm mãi, hòi tôi : khổng chửa một việc tàn-ác hiếp-dáp nào là không làm...» (NAM SỬ TẬP BIÊN, quyển 2, tr. 19b-20a).

Xem thế dù biết đối Trần bày giờ gặp phải đối phương chẳng những hung cứu vọng chiến, mà lại bảo nước hung tân vượt ngoài tưởng tượng.

Đến chưởng « Nhắc lại những kinh nghiệm đa chiến thắng Mông-cổ », ta sẽ so sánh những điểm hơn kém về quân sự của đổi bên, bày giờ sẽ thấy rõ cái bi-quiết mà đức Trần Hưng-dạo và quân, dân đổi Trần đã nam đề di đến thắng lợi vẻ-vang trong mấy cuộc chiến tranh tự vệ.
CHƯƠNG NĂM

MỌNG-CỞ GÂY HẦN

Bắt đầu từ năm đình-tị (1257), Mống-cở rậm-rờ gậy hận với ta để hùng mồ rộng phạm-vi để quốc về mặt nam Á. Nhưng sau tran đọ sức với quân, dân đội Trần (1) trong năm đình-tị (1257), Mống-cở vấp phải sức đế-kháng rất mạnh, bị thất bại về quân sự, bèn xoay sang mặt chính-trị và ngoại-giao.

Chương này đưa tài liệu trong NGUYỄN SỨ (quyển 49), AN-NAM CHÍ LUỘC (quyển 4) và TOÀN-THU (quyển 5), xin thấu quan những việc Mống-cở gây hận và bèn ta đổi phó...

Mùa hạ năm mậu-ngo (158), Mống-cở sai Nốt-Loát. Đan sang dự vua Trần: «Xìa, ta sai sự sang thông hiểu, các ugiroi (1) mới niềm mè man, không tính ngộ, nên ta mới phải có việc xuất quân năm ngoài (2). Thấy

(1) Sẽ trình bày ở chương «Cuộc chiến thắng Mống cở lần thứ nhất».

(2) Tức năm đình-tị (1257).
Quốc chủ người (1) phải chạy đại nơi đồng nơi, ta lại sai hai sự-giả (1) đi chiều an cho về nước; người (1) lại trở sự-giả cửa ta rồi thì cho Vere.

« Nay ta đặc biệt sai người đến mở lòng dụ bảo... Nếu các người (1) thì xin một lòng nói phụ thì Quốc chủ phải thân hành sang đây. Vì bằng văn cơn không chứa (1) thì cứ báo rõ cho ta biết. »

Vua Trần Thành-tôn trả lời: « Nếu tiêu quốc thành âm thở đại-quốc, thì đại-quốc sẽ đôi đại thế nào? »

Thằng chín, năm nhăm-tuất (262), Mông-cợ yêu sách:

Kẻ từ quỷ-hồi (1563), cứ ba năm một lần công.
Về người, phải kén: nhỏ sì, thấy thuốc, hàng người thông âm dương, bồi toàn và các thơ, mới hàng thơ ba người.

Về đồ vật, phải cống: đầu tô-hop, quang hương, vàng, bạc, chư sa, trầm hương, dân hương, sương tê, đồi mồi, trầm chậu, ngà voi, bông trắng, đi thương, chén... 

Thằng chạp, năm bình-dân (1266), vua Trần Thành-tôn sai Dương An-Dương và Vũ Hoàn đưa sang ba tô biếu: tô thứ nhất nói về việc cống phượng vật; tô thứ hai xin miễn việc tuyển lấy những hàng tụt-tài (2) và thơ thuyết; tô thứ ba xin cử đội Nột-Loat

(1) Hai sự-giả này đều bị ta giảm giả ở trong nguyên, đến khi thể ra thì một người chết.

(2) Xua dùng tiếng « tụ tài » có nghĩa như là kể sì, tức chỉ những hàng nhỏ sì, thấy thuốc v...v... not trên.
Đan làm «đất-lở-cát-tẻ» (1) & hận quốc.

Mọi dân xếp xong việc trên thi khoáng tháng mười, năm dinh-mão (1267), Mông-cô lại yêu sách sau việc:

1.) Quân-trưởng phải thân sang châu;
2.) Phải gửi con em nhà vua sang làm con tin;
3.) Biên sỏ dân;
4.) Nộp phục thuế;
5.) Chju quân dịch;
6.) Văn đất đất-lở-cát-tẻ để thống trị.

Tháng một, năm ấy (dinh-mão, 1267), Mông-cô lại đòi ta phải trao trả những lại buôn người Hô-hoạt để họ xét hỏi chúng về việc Tày-vực.

Tháng một, năm kỳ-ti (1269), vua Trần sai trả lời: Lại buôn Hô-hoạt, một người tên là Y-ôn, chết đã lâu rồi; một người tên là Bả-Bả, sau cùng dẫu ốm mà chết.

Ta lại thoái-thác về việc Mông-cô yêu sách với: «... Cử theo như Hào-Lâm-Cáp-Nhã nói, thì ra Bế-ha (chỉ vua Nguyễn) muốn cần dùng vài con voi lớn, những giống thú ấy mình mây xữ-xữ to lớn, bước đi rất chậm, không bằng ngựa của thương quốc. Vây

xin Ðê-hạ ñan sá-chi dê dênh chuyën sau, sêxin dênh công ».

Thâng môt, nâm canh-ngô (1270), Mông-cô lai bát bê vê viêc vua Trân tiếp chieu thu, không chiu lay, không dãi sê Nguyên bâng lê vương nhân.

Thâng ñap, nâm tàn-mùi (1271), vua Trân Thanh-tôn sai trá lôi vua Mông-cô qua Trung-thu sánh nhà Nguyên. Nguyên văn búc thu ay bâng chê Hân, nay xin dênh nghêa nhu sau ñây :

« Bân quóc dê dươc Thênn-triêu (1) phong cho vương trước ; hâ không phai là vương nhân sao ? Sê-gia cua Thênn-triêu (2) lai xung mình là « vương nhân », đươc ngang vói Bân quóc thê e làm nhuc mét phong thê Thênn-dinh (3) ; hương chê Bân quóc trước dê tiếp dươc chieu-chi bao cê dé theo nguyên tuc cû (4). Hê khi tiếp dươc chieu-lênh thê ñê yên noi chinh dươc, côn mình lui lanh ñ chê nhà riêng : Ðô là diên lê cû cua Bân quóc.

« Côn viêc ñôi vói nhu có nói trong tô dê gûi sang, trước ñây, Bân quóc sê tráy ý-chi, nen cû nân-nâ chra dâm thura thuc duyên có ; Quann vôi không nê lia nhâ, thê sai di là mét chuyën khô.

« Tô dê lai ñôi ndo sê, thây thuóc vâ thê thuyên. Nhung khi bôi thên là lôi Lê Trông-Đà vào bê kiên;

(1, 2, 3.) Chê triêu-dinh Mông-cô.

(4) Thâng ñap, nâm canh-thân (1280), Mông-cô dêa chieu-thu sang bao ta. Ðôi vôi quan liêu, sê, thê trong nhóc, phâm mû do, diên lê, phong tuc, nhât nhût cê dé y theo phap chê cû sân cû bân quóc.
Đan làm «đất-lở-cát-tẻ» (1) & bản quốc.

Mỗi dân xếp xong việc trên thì khoảng tháng muối, năm đình-mão (1267), Mông-cố lại yếu sắc sau việc:

1.) Quân-trưởng phải thân sang cháu;
2.) Phải gửi con em nhà vua sang làm con tin;
3.) Biên số dân;
4.) Nợ phải thuế;
5.) Chùm quân dịch;
6.) Vãn đất đất-lở-cát-tẻ để thống trị.

Tháng một, năm ấy (dinh-mão, 1267), Mông-cố lại đợi ta phải trao tra những lại buôn người Hội-hoạt để hỗ trợ khỏi chung về việc Tây-vực.

Tháng một, năm kỳ-tị (1269), vua Trần sai trả lời: Lại buôn Hội-hoạt, một người tên là Y-ôn, chệt đã lâu rồi; một người tên là Bả-Bả, sau cùng đau ốm mà chệt,

Ta lại thối-thác về việc Mông-cố yếu sắc voi: «... Cứ theo như Hòa-Lâm-Cập-Nhã nói, thì ra Bể-ba (chỉ vua Nguyễn) muốn căn dùng vài con voi lớn, nhưng giống lừa ấy minh-mày xù-xử to lớn, bước đi rất chậm, không bằng ngựa của thường quốc. Vây

xin Pê-ha bạn sắc-chí để denn chuyển sau, sêxin dàng công».

Tháng một, năm canh-ngo (1270), Mông-cô lai bắt bể về việc vua Trần tiếp chiêu thư, không chieu lay, không đái sự Nguyên bằng lệ vương nhân.

Tháng chạp, năm tân-mùi (1271), vua Trần Thanh-ton sai trã lời vua Mông-cô qua Trung-thư sang nhà Nguyên. Nguyên văn bức thư ấy bằng chữ Hán, nay xin dịch nghĩa như sau sau đây:

«Bản quốc đã được Thiên-triều (1) phong cho vương trước; hà không phải là vương nhân sao? Sự giã của Thiên-triều (2) lại xưng mình là «vương nhân», đúng ngang với Bản quốc thì e làm như mà mặt phong theo Triệu-dình (3); hi vọng chi Bản quốc trước đã tiếp được chiêu-chí báo cử đề theo nguyên tư thế (4). Hễ khi tiếp được chiêu-lệnh thì đề yên nơi chính diện, còn mình lui lánh ở chỗ nhà riêng: Đó là đen lẽ của Bản quốc.

«Còn việc đòi với như có nói trong tổ đục gũi sang, trước dấy, Bản quốc sợ trái ý-chí, nên cứ nhân-nâ chửa đâm thua thực duyên có: Quân voi không nỡ lia nhà, thì sa di là một chuyện khó.

«Tơ dù lai đói nhỏ sĩ, thấy thương và thợal thuyên. Nhùng khi bội than là lũ Lệ Trong-Đạ vào vẻ kiêng;

(1, 2, 3.) Chi triều-dình Mông-cô.

(4) Thang chạp, năm canh-thân (1260), Mông-cô đưa chiêu-thư sang báo ta. Đói với quan liêu, si, thờ trong nước, phạm mủ do, dien lê, phong tuc, nhất nhất cử đề y theo pháp chê có sâm của bản quốc.
tác gang gân bóng sáng oai nghiêm, không thấy bán chiều đủ bảo gì cả. Hướng chi năm Trung-thông thứ tư (1) đã được miễn rồi. Nay lại nơi đến, bao xét sợ hài lả lùng ! Vậy xin các-hã (2) nghỉ lại cho....»

Trước đây, chứng vi lực lượng chưa đối đào, chuẩn-bì chưa đầy đủ, nên cuối năm bình-dàn (1266), ta bất đắc dĩ phải đưa bộ trên Nột-Loát-Dàn làm đất-lở-cát-tề (quan trưởng; ở Bản quốc như NGUYỄN SƯ đã chép, nhưng sau đó, chỉ năm qua, chắc ta bây giờ đã có hậu thuẫn, có thể «nơi chuyển» với Mong-cô bằng quân-sư được, nên mới tân công mạnh về ngoại-giao :

Tháng giêng, năm Ât-hợi (1275), vua Trần Thánh-tôn sai gửi sang Mong-cô một bài biểu trong có nói :

«...Đâu được ba năm một lần công, nhưng dâí thay sai phải sûr thân đi về nhọc met, chưa được ngày nào nghĩ ngợi !

«Đến như đất-lở-cát-tề (quan trưởng) do Thiên-triều (3) sai sang đất nước bên tôi, thì lucr về hà chưu về không ? Hướng chi kể được sai sang ấy làm gì cùng cây thể, dòng thì thi lăn luốt đê nên nước bè nhỏ này. Ngoài (4) là thiên từ đầu sang suốt ngang với mặt trời, mặt trăng, nhưng đầu để soi tôi dưới đây cháu úp ?

« Vá, đất-lở-cát-tề chỉ đang thi-hành với những hàng «xấu xi nhỏ mơn » nội rộng mới ở biên giới, lê

(1) Túc năm qui-họt (1263) đối Nguyễn Thế-lở Hậu-Tất-Lợi.
(2) Chỉ viền đường đầu Trung-thur sảnh bên Mong-cô.
(3) Chỉ nước Mong-cô.
(4) Chỉ vua Mong-cô.
não tôi đã được phong, liệt vào bắc vương, nhưng làm phán rào một phương, mà lại còn lập đất lồ-cát-tê dè coi quân, thì hãy chẳng bị các nước chư hậu cuội ư? Vì sợ giám-lâm mà phải công, sao bằng trong lòng vui phước mà tự công?... » (Dich theo nguyên văn chữ Hán).

Tháng chạp, năm mậu-dần (1278), Mông-cô lại sai bốn Sài-Xuán (1) sang hạch hỏi về sấu khoản (2) mà, trước kia, Mông-cô đã yêu sách.

Bốn Sài-Xuán nói với vua Trần Thánh-tông: « Nước ngoài nội phó (!) hơn hai mươi năm, sầu việc vưa rồi hãy còn chửa thây làm theo. Nếu ngoài không sang chịu, thì ngoài cứ việc sửa sang thành trị, chính bị quân sĩ dè chừng đối quân bên tôi ».

Xuân lại nói: « Thần phó ngoài vàng mến (!) lên làm vua, ngoài không xin phép (!) đã tự lập, nay lại không chịu sang chịu. Ngày khác, Triệu-dình trị tôi (!) thì ngoài sẽ trọn lôi ấy ra sao? Xin ngoài nghĩ kỹ lại ».

Vua Trần theo lẽ cử, thiet yên ở nhà hành-lang (lang hạp); bốn Xuân không dồn được yên.

Khi thấy bốn Xuân đòi về xử-quản, vua Trần sai trước mình-tự ho Phảm dura thu xin lỗi, rồi đòi chỗ đất yên vào Tấp-hiện diện. Vua Trần Thánh-tông nói: « Tiễn quân (3) qua đối, tôi mới nói ngoài, thay thiên-sự

(1) Cố sách phiên âm làm là Sai-Thung.

(2) Tức là những khoản đối Quốc vương phải sang chịu và con em nhà vua phải sang làm con tin. v...v... như trên đã nói.

(3) Chỉ vua Trần Thất-lön.
đến khai đủ chiều thứ, khiển tôi vừa mừng vừa sợ, hội họp trong lòng. Trộm nghe : chủ nhà Tổng thơ ấu, Thiên-tư doái thương, còn phong cho công trước. Đội với tiêu-quốc, thế nào chẳng được thương tinh? Trước đây có đủ sâu việc, nhưng dẫu được miễn cho rỗi.


Xuân nói : «Chủ nhà Tổng chưa đây 10 tuổi, cùng sinh trưởng ở thăm cung, thể sao còn đến kinh-sư được? Ngoài chiếu-chỉ, tôi khong đam nghe theo mệnh-lệnh nào khác. Và, bốn chúng tôi đến đây cốt để với ngại, chử không phải chỉ lấy các câu sang, vật lạy».

Tháng một, năm kỷ-mão (1279), Mông-cô giữ sứ-gia ta là Trịnh Quốc-Toản ở lại quán hội-dòng, rồi sai bọn Sai-Xuân bọn người cùng một sứ-gia ta là Đỗ Quốc-Kế đến tổ chiếu sang dư lần nữa : Nếu vua Trần qua không sang cháu được thì phải làm người bằng vàng thay thân mình, lấy hai hat Ngọc chải thay đôi mặt, thơm vào dạy lại phải tuyên những người hiền sỉ, phương kỳ, tử đức, thọ thuyên, mỗi hạng hai người để thay cho nhân dân. Bằng chẳng thể cứ việc sửa thành trì mà dội xét xử.

Năm canh-thìn (1280) vua Trần Nhận-tôn sai chủ ho (tung thích) là Trần Di-Ái (tức Trần-Ái) thay mình sang Nguyễn giao thiệup. Mông-cô bèn đặt nước ta làm An-nam tuyên uglify và lập Li-Ái làm An-nam quốc vương tấn-tì, 1281).
Năm nhâm-ngo (1282), Mông-cô cho Sai-Xuân làm An-nam tuyển uy sự đó nguyên sùy, đem một nghiện quân, hô tổng Di-Ái về nước, dâu chiếu thư hiệu dù môi người trong tổng-tộc nhà Trần và các quan-lai bên ta.

Cuộc ngoại giao giữa ta và Mông-cô tan vở từ đây và cũng từ đây, ta biết đôn vao chỗ chỉ có thể nói chuyện với Mông-cô bằng gươm, giáo, cung, thoại và tiền thuóc doc

Cuong quyết chống lại, Trần Nhân-tông sai đón danh bố Sai-Xuân ở gần ả Nam-quan; Sai Xuân bị tên bán lối mất một mặt, phải chạy trở về Nguyên; Lưu Di-Ái đều bị bắt, phải tới đồ, sung làm quân lính.

Tháng bảy, năm quy-mùi (1283), vua Trần Nhân-tông sai đưa thư sang dối Mông-cô trả lại sự-giả của ta bị giữ tại trước (1). Kết quả được thằng lơi: Mông-cô phải thả sự ta về.

Tháng mười, năm ấy (quy-mùi, 1283), nhà Nguyên sai Dao-Bình-Trực đem đi thư (quốc thư cố đông đầu ngốc ti) sang dối ta giúp bính lương để Mông-cô đi đánh Chiêm-thành.

Vua Trần liên sai trung-lưỡng đại phu Đình Khắc-Thiếu và trung đại-phu Nguyên Đạo-Học đem đồ phương vật theo sứ Nguyên là Triệu Chữ sang giao-thiếp với Mông-cô. Lại sai trung-phòng đại-phu Phạm Chi-Thành và triều-thính lang Đỗ Bào-Trực đến sinh (2) dâu xếp mọi việc và đưa thư, do vua Trần

---

(1) Bốn Trịnh Quốc-Toàn và một người họ Phạm trực mình sang sứ Mông-cô từ năm kỷ-mão (1279).

(2) Có lẽ là sánh Bỉnh chưởng Như Định Thụ trưởng ngay này

T.H.D. 3
Thành-tôn dùng tên, cho chức bình-chương Mông-cơ dè-từ-chơi việc nài ép ta góp quân giúp lương trong cuộc Nguyễn đánh Chiêm-thành:

« Chiêm-thành phục thờ nước nhỏ đã lâu; lạo phụ tôi chỉ chăm vỡ-vẻ họ bằng đức tốt. Khi dến đổi tôi cùng nói theo ý chỉ của cha. Từ khi lạo phụ tôi quy thuận Thiên-triều dến nay đã ba mươi năm, can-qua tôi ra không dụng nữa, quân linh thì dời làm dân dinh, một là để dùng vào việc công hiền Thiên-triều, một là để chúng tôi không dám hai lòng. Xin Các-hạ thường tình mà xét cho thi hay làm.


« Kể dò lại dứt tôi dấy phải than hàn dên cừ cung khuyên, nghe tôi thành dầy tận mạt. Việc ấy, khi còn lạo phụ đã được Thiên-triều thương xót, làm ngo, gac bỏ ngoại lòng. Bây giờ lạo phụ đã mất (2), tôi ở trong tang tóc, cảm thương dên nay hãy còn chưa được làm mảnh. Huống chi tôi dấy sinh trưởng & chọn hào lãnh xa-xôi, không chịu năng rệt, không quen thủy thọ, nên phải vật và đoc đường, thì

(1) Chỉ cuộc Mông-cơ sang xâm lấn thứ nhất (Dinh-ti, 1251).
(2) Chỉ về Trần Thất-tôn.
tất uống poi xuống trên 1 Ngày như những kẻ bỏ thân nước nhỏ này, mỗi khi đi lại còn bị cảm nhiễm khi đọc, chê bùa nên năm sau phần mười hoắc quá nữa. Các-hạ cũng đã biết rõ rồi đây. Vậy mong ước lửa mà yêu thương nâng đỡ, đầu bay với Thiên-triều, hâu chịu biết rõ cái ý tham sống sơ chê bùa hết thấy hồn-hàng và quan-lại bên tôi. Thế hà những riêng tôi may được chịu ơn, mà sinh linh một nước nhỏ được an toàn, cũng cùng chúc Các-hạ được hưởng phúc trời lớn lao lâu dài nữa.» (Dịch theo nguyên văn chữ Hán).

Tháng hai, năm Ất-dậu (1285), Mông-cô lại yêu sách phải vẫn lương đến Chiêm-thành để giúp việc quân.

Trước tình hình khan trương và quyết liệt ấy, bên ta một mặt vẫn chuẩn-bị, đem binh chen dòng miên biên cương (1), một mặt vẫn mêm-mông dura thứ cho Mông-cô, nội chuyển ngoại-giao bằng tư lệnh.

Tuy nhận được quốc thư của ta nổi từ bàn quốc đến Chiêm-thành đường thủy đường bộ đều không tiến và xin tùy sức mà cung quân lương (2), Mông-cô cũng vẫn yêu sách ta phải đơn đường, sắp lương và đói vua Trần phải thân đi đơn quân của Thoát-Hoan, quân xâm lộc...

Thế là cuộc chiến tranh tự vệ lần thứ hai rồi lần thứ ba lại bùng nổ từ đây.

(1) Sổ trình bày ở chương «Cuộc chiến thắng Mông-cô lần thứ hai ».
(2) Đồ sê bỏ trung-tương đại-phu Trần Đức Quan và tân-lang Trần Thị-Tống đem quốc thư sang.
CHƯƠNG SÀU

CUỘC CHIẾN THẮNG MỌNG-CÔ
LẦN THỨ NHẤT (1257) (1)

Chuẩn-bí

Tháng chín. năm đinh-tị (1257), bên ta được tin giấc Mông-cô, tức giấc Nguyễn, sáu-sơn kéo sang lăn cuộp:

Thái-sư Mông-cô là Thống-Sủy từ đường Văn-nam qua biên cảnh ta, thanh ngọn là muốn sang Ung 2 và Quế (3) hối đại binh ở Ngọc (4) để đánh nhà Tống.

Vua Trần Thái-tôn (1225-1258) cử Trần Quốc-Tuấn làm Tiết-chê, sóc suất các tướng ở tà hữu, đem quân thủy, quân bộ chống giữ biên thủy; tháng chín, năm đinh-tị, i257 (TOÀN THU, quân 5, tổ 2.a) ; chính nhà vua tự làm tướng, sóc chiến, xông pha tên dân.

Tháng một, năm ấy (đinh-tị, 1257), thái-sư Mông-cô Ô-Lan-Cáp-Dật, tức Ngọt-Lương-Hợp-Giai hoặc

(1) Xem bản đồ số 1 ở cuội sách.
(2) Nay là huyện Ung-ninh, tỉnh Quảng-tây.
(3) Nay là huyện Quế-lâm, tỉnh Quảng-tây.
(4) Nay là tỉnh Hồ-bắc.

Trần đầu bất lợi

Tháng chạp năm dinh-ti (1257), dạo quân của Thông-Suy Mông-cô đến Tích-nô nguyễn (2).

Vua Trần thực quân cưới với nghenh dịch.

Bây giờ con của Thông-Suy là A-Chuất, 18 tuổi, đem những tay thiện sạ ra bán vào voi: Voi sọ, lòng bèn trở lại, chỉ đáp lần lần nhau. Quân ta cả vô.

Ngày hôm sau, vua Trần sai phá cái cầu Phú-lặc, dàn trận ở bên này bố sông.


(1) Khúc sống Cái (nay gọi Hồng-hà) lure mà Lào-cai xuong Ngã ba Hóc gọi là sông Thao.
(2) Không rõ ở đầu bài giờ.
Rút xương mận sồng Thả-mạc (Hung-yên)


Thế-lực giấc Mông-cô mạnh lầm: Chúng tiến quân áp bức tần chồ vua Trần đang dòng ở Đông-bộ-dậu (4).

Ngài phải lui quân, giữ sòng Thả-mạc (5).
Vua Trần đi thuyến đến hối thái-sư Trần Thử-dổ.

(1) Trong AN-NAM CHỊ LUỘC chép là Lê Tân. Có lẽ Tân là tên cüş, sau được vua Trần khen thưởng vì có công lớn trong cuộc kháng chiến Mông-cô lần thứ nhất này, nên Tân được đổi tên là Phụ-Trấn, lấy nghĩa rằng họ Lê giúp nhà Trần chống?


(4) Bên Đông (Đông-tân) sòng Cải ở địa-phasis huyện Thường-phúc (Hà-dông).

(5) Cang q réuss Thiện-mặc, tức là khúc sông Cải bên bái Mạn-trù. thuộc tỉnh Hưng-yên.
về chước chống giặc. Thủ-Đạo thưa: «Đâu tôi chừ
troi xuống đất, xin Bệ-hạ đừng lo ».

Thang-long bị đốt phá, tàn sát

Thăng-long bây giờ là thủ đô của nước Nam.
Cung điện dinh thư đều ở đây.

Từ năm canh-dần (1230) niên hiệu Kiên-trung
thủ sau đối Trần Thái-tông, nhà Trần nhận nện cử
nhà Lý, đáp thơm thành Thăng-long. Trong thành lập
cung, điện, lầu, gác, lang-vụ đồng và lang-vụ tây; bên
tà dựng cung Thành-tử để Thường-hoàng ngự, bên
hưu làm cung Quan-triều để Hoàng-de ở. Bên cửa
ngoài thành có quán Tư-xương luan phiền canh gác.
Chia hai bên tà hữu thành làm sáu mươi một phường
dạt chúc bình-bắc ti (1) để coi quản (CUỐNG MỤC
quyền 6, tổ 9b-10a).

Cung thất nhà vua ở có năm cửa. Cửa giữa có đề
chữ: «Đại-hưng chi môn» 大興之門 (cửa Đại-hưng).
Hai bên có cửa nách tả, gọi là «Tả dịch môn », cửa
nách hữu, gọi là «Hậu dịch môn ». Chinh điện thì
có chín gian, đề chữ « Đại an ngự diện » 大安御殿.
Cửa chính nam đề chữ « Triều thiên các » 朝天閣
(2).

Tập-hiện điện 品 賢 殿 là nơi màn teo, chưởng
rủ, tran thiết trang nghiêm, chỉ trừ những trường
hợp đặc biệt làm mới thiết yếu sự-giả Trung-quốc ở
do. Khi đi vào điện này, đến cửa Dượng mình 鳳明,

(1) Túc Như chưc kinh-doan đồi saù.
(2) Theo NGUYỄN SỨ, quyền 209, tổ 5b.
dù ai sang-cả đến đâu cũng phải xuống nước. Bằng
không, sẽ có quan-sĩ Thiền trưởng, là linh canh giữ
cửa ấy, ra căn lải, đặt bước phải hạ mả (Theo TOÀN
THU, quyển 5, tờ 40b-41a).

Lan-dinh 蘭芷 là nơi thân-mất, vua Trần dừng
dế hồi-hop yên ấm các vương hậu trong tổng-thất.
Đối Trần Thánh-tôn, trong nhà Lan-dình ấy có kề
giường liên nhau, trên đất góái dài, chăn lớn, đế nhà
vua cùng các anh em bò con trong hò, mỗi khi tan
tiec Lan-dình, thường cùng nhau ngủ lại cả đầy
(TOÀN THU, quyển 5, tờ 31b).

Khi quan ta rút khỏi Thăng-long, giấc Mong-cô
tiện vào kinh-thành, tìm thấy hai sứ-gia nhà Nguyễn
bí giem & ngục. Theo NGUYỄN SỦ thì thân thể họ
bị trời bằng những mạnh tre đáp rãp (1) bó lần cả
vào da. Khi côm trời thì một sứ-gia chết (quyển 209,
tờ 1a). Giấc Mong-cô dọt phá tan hoang và «làm cơ»
cả dọ-thành, nghĩa là chết sạch cả nhân dân ở Thăng-
long (2).

Sau khi dòng tại Thăng-long chín ngày, quân
Mong-cô khó chiu vì khi-hậu oi-uất nóng-nực, bèn
rút lui.

Phần-công

Thời-co phân công dã đến. Vua Trần Thái-tôn
bên cùng thái-tứ Hoàng lại tiến binh lên Đông-bồ-dầu,
dánh giấc : đại thắng.

(1) Có lẻ trời bằng thụ thường bên bằng lật tre?
(2) Cũng theo NGUYỄN SỦ.
Khi Mông-cô chạy về đến trái Qui-hóa (1) thì chủ trái là Hà-Bông chiều tập người mään, đánh úp, lại cả phá quân giấc (CUONG MỤC, quyền 6, tờ 22b).

Khi hồi loan, thấy kinh đó biết đất phá sachsanh, vua Trần cả giận. Nhân bảy giớ lại có hai sự giã Mông-cô đến chiều dừ, người bên sai trời cả lại, rồi cho về.

Trong cuộc kháng chiến Mông-cô này, Nhân-huê vương Trần Khánh-Dư biết nhân cơ hội, rinh kẽ hộ, tập kích giãc, được vua Trần khen là có tri lược. (TOÀN THU, quyền 5, tờ 42a-b. Lê Phù-Trần, một người, một ngựa, xông pha trận giãc, nét mặt vẫn nhón-nhọn như không.

(1) Nay thuộc Hằng-hóa, Phù-thọ.
CHƯƠNG BÀY

CUỘC CHIẾN THẲNG MÔNG-CÔ LẦN THỨ Hai (1283-1285) (1)

Mông-cô muốn đường đi đánh Chiêm-thành

Sau cuộc chiến tranh tự vệ năm đình-tị (1257), ta tuy tạm chịu được giặc Mông-cô ra khỏi bất-cởi, nhưng vẫn nom-nốp cái lo vể sau, nên vẫn đề phòng thủ biên-cương và thao-dần quân đội đã được các nhà cầm quyền đường thời hết sức chủ trọng.

Tháng ba năm nhậm-tuất (1262), vua Trần Thái-tôn ra lệnh các quân phái làm chiến khí, (nay gọi chiến cụ), đồng chiến thuyên ; cho thủy, lực quân tập trận ở Cửu-phủ-sa sông Bạch-hắc (TOÀN THU, quyền 5, tổ 27b ; CUONG MỤC, quyền 7, tổ 4b). ☞

Từ tháng tam, năm nhậm-ngo (1282), niên-hiên Thiệu-bào thứ tự đổi vua Trần Nhân-tôn, ta dã được tin do biên thần dòng giữ Lạng-sơn là Lương-Ua, sai ruồi nghĩa trận về báo: Mông-cô sai bon hữu-thừa Toa-Đô, tả-thừa Lưu-Thâm, tham-chính A-lý lót miệng bằng việc đi đánh Chiêm - thành; dời ta chờ muốn đường và bước ta góp quân linh, cung lương thảo (tháng muội, nhậm-ngo, 1282).

(1) Xem bản đồ số 2 ở cuội sách.
Hội nghị Binh-than (1)

Tháng muội, năm nhâm- ngọ (1282), vua Trần Nhân-tông đi Bên Binh-than, hợp các vương hậu và bách quan, bàn chuyện đánh, giữ.

Cuộc hội nghị Binh-than này có mấy việc quan trọng:

1.) Nhân-hué vương Trần Khánh-Dư là tay tướng tài, trước đó, được khen thưởng trong cuộc kháng Nguyên năm dinh-tì (1257), nhưng sau vi có tội, bị bóc trước phong, bày giờ đang làm nghĩa bán than ở Chí-Linh (Hải-duyển). Nhân cuộc hội nghị này Khánh-Dư được với đến và bàn luận, rồi được phong làm phó đô tướng quân. Về sau, Khánh-Dư đồng ở Văn-dồn (2), đánh đảm được các thuyên lương của tướng Nguyên Trưởng Văn-Hồ, khiến giặc thiếu ăn, ta mới Đại thắng Mông-cổ ở Bạch-dằng (3) năm mayoría (1288);

2.) Khi hợp ở Binh-than, Hoài-văn hậu Trần Quốc, Toản cũng dự vào số người đi hỗ-tưng theo hậu vua, nhưng vi hãy còn nhờ tu đó, không được dự bàn. Quốc-Toản lấy làm hở thêm và tức-bực, trong tay đang cầm quả cam, bòp nát lúc nào không biết. Khi lui về, Quốc-Toản bèn cùng các gia-nô và thân-thuộc hồn nghĩng người, tự sắm chiến khí và chiến thuyên, kêu gọi đánh giặc.

(1) Nay thuộc làng Bàn-than, huyện Quế-duyển, tỉnh Bắc-ninh.
(2) Nay là Văn-hải thuộc tỉnh Quảng-yên, tức là hòn đảo «De La Table» (xem bản đồ).
(3) Một nhân sòng Thái-bình (xem bản đồ).
Về sau, mỗi khi ra trận, Quốc-Toàn thường đi đầu quân sĩ. Giặc Mông-cô hề thấy & đâu, là phải lẫn tránh, chứ không dám chống tri trước sức sắc bên của Quốc-Toán.

Thằng muội, năm quý-mùi (1283), vua Trần Nhân-tông thanh suất các vương hàu, điều động tất cả quân thủy, quân bộ tập trận.

Hung - đạo vương Trần Quốc - Tuấn được tiến phong làm quốc công, thiết chế thống lĩnh hết cả các quân thủy bộ toàn quốc, lừa trong các trường hiệu lấy những người có tướng tài cho chia thống suất các bộ ngũ.

Thằng tam, năm giáp-thân (1284), Hưng-đạo vương diện-dòng chử quân của các vương hàu, làm cuộc điểm-duyệt vĩ đại & Đông-hô-dầu (1), rồi chia dộng & Bình-than và các nơi hiểm-yêu (2).

Muốn dùng ngoại giao để hòa hoãn tình thế và đố xem hư thực bên dịch, ta cử Trần Phụ sang lân hành-sanh Kinh-hộ bên Nguyễn, nói xin hoan binh (thằng một – thằng chap giáp-thân. 1284).

Hội-nghi Diên hùng

Được tin bổn thái-từ Thọát-Hoan 3) cùng tả-thừa Lý-Hạng, binh-chương A-Thích và binh-chương A-

(1) Bên Đông (Đông-lân) sông Cái (nay gọi Hồng-hà) thuộc địa phận huyện Thường-phúc (Hà-dông).
(2) Chứng nhận các cura đại ở miền Lạng-sơn và miền Thanh, Nghệ.
(3) Bây giờ được vua Mông-cô phóng làm Trần-nam vương.
Lý-Hải-Nha đem năm mươi ngàn quân (500.000), nội phao lên lề di tiếp viên để đánh Chiệm-thành, kỳ thực chia đường sang ta lẫn cửa, thường-hoảng Trần Thánh-tông bèn làm một việc "trồng cây dàn ý" là với các phụ lão trong nước nhóm ở thêm dién Điện-hồng để hối mưu chuộc (tháng chạp, giáp-thân, 1284).

Ngày 21 tháng chạp, năm giáp-thân (1284), bổn Thoát-Hoan kéo quân vào tới địa-phận nước ta. Chứng chia làm từng dạo:

Tây dạo là cảnh quân của bổn văn-hộ Lý-La Hợp-Dáp-Nhi (1), chiều-thảo A-Thâm do huyện Khru-on (2) làm am tiến xuống:


Mồng-cờ lại sai bả-tông A-Lý giả vờ báo ta rằng cái cơ đây quân chỉ vi Chiệm-thành, chịu không có ý gì khác cả.

Quan ta đánh chân ở núi Khru-cáp: giấc không tiến được, phải do ại Khả-lợi (4) tran xuống.

Khi cảnh quân đồng dạo của bổn Tân-Luộc-Nhi

---

(1) Đây đưa tài liệu trong AN-NAM CHÍ LUỘC, nhưng chưa rõ là tên một người hay hai người. Đối khảo sau.
(2) Thuộc Long-son (xem bản đồ số 2).
(3) Trong AN-NAM CHÍ LUỘC chép là Cáp-ånnh. Thế tức là Khru-cáp-linh mà sự CƯỜNG-MỤC chua là phó Ký-lụa, thuộc Ön-châu, tỉnh Long-son ngày nay.
(4) Cùng đọc là Khả-lợi, có sách chép là Khả-lý, thuộc Long-son.
vướng được ai Khả-lợi, tiến xuống ai Như-nhĩ (1), chúng có bắt được và chém chết gián-diệp bèn ta là Đỗ-Vĩ.

Bây giờ phía bắc là mặt trận quan trọng, nên Hưng-dạo vương trước phải cắm cự ở ai Nội-bàng (2), sau phải rút đồng ở Văn-kiện để chuẩn bị những trận phân công và truy-kích vào khoảng mùa hè năm địa-dâu (1285) sau này.

Còn mặt tây-nam thì, vế sau, ngoại phải thường-tương Trấn Quang-Khai động quan ở Nghệ-an, chằng giữ các đường hiểm yếu để chống quan Tòa-Dô (3).

**Treo bằng cảm hằng giấc**

Khắp nơi, đâu đâu cũng có bằng treo vật thợ:

"Phạm các quân huyện trong nước, hễ có giác ngoài đến, thì phải liều chết cố đánh; nếu sức không dũng nổi thì cho phép lên trận vào rừng núi, chứ không dũng dòng hàng" (4).

Ngày 27 tháng chấp, năm giải-thần (1284), đại binh của Thoát-Hoan đánh phá ai Nội-bàng (5).

---

(1) Cương thuộc Lang-son, trong AN-NAM CHÍ LƯỢC chếp là "Anh-nhĩ"; còn TOÀN THU và CƯong Mục đều chếp là "Nữ-nhĩ".

(2) Thuộc Lang-son.

(3) Việc cự Trấn Quang-Khai này vào ngày 28 tháng giêng năm địa-dâu (1285).


(5) Dãy theo AN-NAM CHÍ LƯỢC, quyển 4, tổ 1b. Còn TOÀN THU, quyển 5, tổ 44b chếp: ngày 26 tháng chấp năm giải-thần (1284), giặc Nguyên sẵn quân các cứa ở Vĩnh-châu, Nội-bàng, Thiệt-lurse, Chi-lạng.
Kinh do Thăng-long bỗng ngổ, cung thứ đều đề nhà không cửa trông, chỉ còn lại những tờ chiếu, tờ sắc, tờ đệp ở tòa Trung-thư và các giấy tờ về tin-tức quân dịch do các trường và biên thủy mặt nam mặt bậc trình báo. Còn hết thấy đều phá hủy sách (1).

Vua Trấn Nhân-tông ngã chiến thuyết nhẹ, lánh ra Hải đông (2), có hôm, suốt từ sáng sớm đến chiều tối mới được ăn chút vom hầm.

Hội quân ở Văn-kiếp

Sau khi hải Nội-bảng thất thủ (ngày 27, tháng chạp, giáp-thần, 1284), Hưng-dạo vòng lui giữ Lạng-giang châu.

Rồi đó, quân ta đánh không lợi, giấc tiên được vào ai Chi-lăng, (3); ngài phải rút quân đông giữ bên Văn-kiếp.

Trong khi ấy, ngài điều bát quân dâu các lộ Hải-đông, Văn-trà, Ba-diễm, lừa lấy những người khốc mạnh làm tiến phong. Thế-lực quân ta dăn dấn lại mạnh.

Hung-vũ vòng Hiện, Minh-hiện vòng Uất, Hưng những vòng Tàng và Hưng-trí vòng Nghĩn đều

(1) Thuở NGUYỄN SƯ, quyển 209, tr. 5.
(2) Thuộc miền Quảng-yến ngày nay.
(3) Tức gọi đầu Chi-lăng. Nơi Thuộc tỉnh Chi-lăng gần ga Tuần-muội ở châu Ôn, tỉnh Lạng-sơn. AN-NAM CHÍ LUỘC chếp Chi-lăng tức là « Lão thụ quan » (nghĩa là cừu chuột già).
độc-suất quân các xứ Pàng-hà (1), Na-sàm, Trà-hương, An-sinh và Long-nhanh (2) được hai muối van, đến hội ở Văn-khiệp, chịu tiệt chế dưới quyền Hưng-dao vương.

Mồng 6 tháng giêng, năm Ất-dậu (1285), tướng giặc Ô-Mâ-Nhi xâm phạm Văn-khiệp và núi Phú-lai. Quân ta vị, chạy.

Mồng 9 tháng giêng ấy, vua Trần tự làm tướng, huy-dòng muối van quân, đại chiến ở Bái-than (3).


Mặt trận ngoại Bắc: chống Thoát-Hoan


Thoát-Hoan tung quân ra đánh. Quân ta phải lui: chiến thuyên bị giặc bất đ功力.

Ngày 12 tháng giêng ấy, giặc đánh đến Gia-lâm

---


(2) Bên đồi Lê đồi làm huyện Phương-nhàn (hoặc nhơn). Nay thuộc tỉnh Bắc-giang.


(4) SỰ TOÀN THU chụp là a dúc thấy trận v.
Vũ-ninh và Đồng-ngàn (1) bắt được quân ta, thấy trên cảnh tay ai nấy đều có thích mục hai chữ «sắt Thật», chúng cả giận, giã hát rất nhiều!

Giặc kéo lả có dài ở Đồng-bô-dâu (ngày 12 tháng giêng, át-dậu, 285).

Đỗ-Khắc-Chung tự xin di sử đề độ hur thực bèn dịch.

Ngoài sự bắt bè quân ta về việc thích chữ «sắt Thật», Ô-Mã-Nhi còn vẫn hỏi: «Đại quân (Mã-Nhi tự tôn xưng quân Mông-cổ mình; từ xa đến, nước người (!)) sao không trở giáo, cùng nhau đến yết kiến, lại đi chông nghiịch mệnh ta: Châu-châu dâ xe, rỗi sẽ ra sao?»

Khắc-Chung đáp: «Hiền-tưởng (tôn xưng Mã-Nhi) không theo cái chức của Han-Tin đi bình nước Yemen: dòng quân ở đầu biên-giới, trước hãy đưa thư; nếu không thấy thông-biết, thì mới là lỡ chủ? Nay lại đi bức bách nhau; muốn cùng thị cân, chỉm cùng thị mờ, hướng chỉ con người?»

Mã-Nhi đề đa: «Đại quân mười đường để đánh Chiem-thành, Quốc vương nếu đến yết kiến thì trong côi được yên, một máy tốc ta cùng không xâm phạm; nếu cứ mê-man không tính thì chỉ trong khoảng chốc-lát, núi sóng sẽ thành đất bằng, vua tôi sẽ ra cỏ mục dày!»

Khắc-Chung tùy cơ đối đáp, không chịu khựát. Khi về đến trại bèn ta vào giờ mỗ (2) ngày 13 tháng

(1) Nay đều thuộc tỉnh Bác-ninh.
(2) Khoảng 6, 7 giờ sáng (giờ Việt-nam).
giếng ấy. Giặc Mông-cô duỗi theo, đánh nhau với quân ta (TOÀN THU, quynh 5, tổ 45b-46b; CUONG MỤC, quynh 7, tổ 33a-34b).


Quân ta cử theo dọc bờ nam sông Cái, (sử chép là sông Lô), dựng rào lũy bằng gổ để chống cụ. Quân Nguyễn bắn súng, la lớn đòi đánh.

Vua Trần sai Nguyễn Hiệu-Nhuệ đi xin hòa. Thoát-Hoan không nghe, sai bác cầu phao, tiến sát vào dưới vách thành Thăng-long.

Thăng-long thật thú, Thoát-Hoan vào thành, mở tiếc yên ấm ở trong cung đình. Thoát-Hoan sai bình di duôi vua Trần. (CUONG MỤC, quynh 7, tổ 35a).

Trần Bình-Trọng tử quốc


(1) Túc là Thiên-mạc ở bên sông Cái thuộc Hưng-yên. Trong AN-NAM CHÍ LUỘC chép là "a đi Thiên hân" và chỉ chép trước của Trần Bình Trọng là Bảo-nghĩa hứa chứ không chép tên.
Binh-Trọng bèn bị giác chém (TOÀN THU quện 5, tổ 47a).

Quân ta do vua Trần đọc suất, lui giữ hai Hải-thi (còn lẽ thuộc man Hưng-yên), làm rào lụy bằng cây, gổ, chăn sống mà đánh.

Mong-cô trên dưới cùng bắn; quân ta cả võ.

Mặt trận Thanh, Nghệ : chủng Toa-Dô

Bây giờ bèn Mong-cô có đại vương Giáo-Ky, hưu-thừa Toa-Dô, tâ-thừa Vương-Cô-Dô, Chinh-Hắc-Dích từ Chiêm-thành tiến quân ra phủ Bổ-chinh (1), đánh phía sau quân ta.

Để giữ man Nghệ-an, ta có thường-trồng thái-sur Trần-Quang-Khài (2), đồng quân chủng dịch.


Mong 2 tháng hai ấy, quân ta bị Giáo-Ky phá vỡ.

(1) Nay là ba huyện Binh-chinh, Minh-chinh và Bổ-trạch thuộc tỉnh Quảng-bin.

(2) Việc cử Trần Quang-Khài nay vào ngày 28 tháng giêng năm Ất-dậu (1285), tức là sau khi Trần Bình-Trọng đã từ quốc dựa bay hôm, vậy mà cuốn VIỆT-NAM SỬ-LƯỢC, quyển thuong, (tên thư hai, năm 1928, trang 121. tác giả Trần Trọng-Kim chép : " ... Sáu thường-trồng Trần Quang-Khài dara binh vào đồng mặt Nghệ-an... và Trần Bình-Trọng & lợi giữ Thiền-trượng... v

(3) Con của Tinh-quốc đại-vương Trần Quốc Khang.
ở bên kinh Vẻ-bỗ (1) sau khi gây bình Mông-cô lở được qua kinh; tương ta là Đinh-Xa và Nguyễn-Tất-Dũng đều từ Trần.

Mồng 3 tháng hai ấy, đạo quân của vua Trần ở Đại-hoằng giang (2) bị Thoát-Hoan đánh phá. Bọn Văn-nghiêng hầu Trần Tú-Viên (3) và Văn-chiều hầu Trần Văn-Lồng đem cả nhà xuống hàng Thoát-Hoan.

Mồng 6 tháng hai ấy, đạo quân của thái-su Trần Quang-Khải bị Giáo-Ky thông suốt bọn Trần-Kiên đánh phá ở bên độ Phú-tàn (có lẽ thuộc miền Thanh-hoa): bên ta, nghe tin người bị giấc chem đầu l (4).

Đế nói cho nản nước khỏi gặp quá, vua Trần Nhân-tông sai Trung-hiền hầu Trần-Dương đi thường thuyệt xin hòa; rồi sai quan hầu cận Đào-Kiên đưa quốc muội là An-tứ công-chúa (5) cho Thoát-Hoan.

Mông-cô sai thiên-hợp họ Ngài (không rõ tên) đến nói: «Đã xin hòa thì chính nhà vua sao không tụy đến thường nghi?» nhưng vua Trần không nghe; một vị biệt rõ mưu gian của địch, hai vị việc nói xin hòa chỉ là một kế hoán bình.

Mông 1 tháng ba, năm ạt-dậu (1285), hai vua Trần phải bỏ thường, đi bộ đến Thủy-chủ (6), rồi đáp

(1) Thuộc địa-phen Thanh-hoa.
(2) Khúc sông Cái thuốc huyền Nam-sạng tỉnh Hà-nam.
(3) Trong AN-NAM CHÍ LUỘC in là Trần Tú-Tuân.
(4) AN-NAM CHÍ LUỘC chép ngày ấy (mồng sau tháng hat) Thanh-hoa và Nghị an đều hàng.
(5) Dây theo AN-NAM CHÍ LUỘC. Còn trong TOÀN THÚ quyền 5. 47a chép: «sai nguyởi (không rõ ai sao ai) đưa công-chúa An-Tứ (em ủi eua Trần Thành-tông) cho Thoát-Hoan để thu nản nước».
(6) Không rõ ngày nay ở đâu.
thuyền ra của Nam-tríệu, vượt biên Đại-bàng (1) đi vào Thanh-hoa.


Toa-Đổ lại vào Thanh-hoa, chiều dư mới kẻ theo giấc. Thế là từ tháng chặp năm giáp-thần (1281) đến tháng ba, năm ñất-dậu (1285), ta bó kinh-dổ Thạng-long, bó các trọng trận, thương thương rút lui để bảo toàn lấy quân chủ-trực, đợi dit phân công.

**Khắc phục Thăng-long**

Khoảng cuối tháng tư,năm ñất-dậu (1285), thưng-

---

(1) Thuộc địa phân xã Đại bàng, huyện Ngợi-duong, tỉnh Hải-duong.
(2) Thuộc xã Tam-trí Châu Tien-yên, tỉnh Quang-yên ngày nay.
(3) Thuộc miền biên Thanh-hoa.
trường Trần Quang-Khai, Hoài-văn hậu Trần Quốc-Toản cùng Trần Thông, Nguyễn Khả-Lap và em Lập là Nguyễn-Truyễn đem dẫn quân các lở đánh bại giặc ở Thăng-long và Châu long-duong (1) v...v... Giải thua vô liễu-siêng, Bồn Thảo-toan và A-Thích phải chạy khỏi sông Cái (AN-NAM CHÍ LƯỢC và TOÀN THU ghép là sông Lô, CƯƠNG MỤC ghép là sông Phủ-lương).

Bồn Giảo-Ký rút sau, bị quân ta đánh, chừng đất phục bình ở trong cung thành Thăng-long mà bàn nội (mồng 8 tháng năm, ât-dậu, 1285), mới rút thoát được khỏi sông Cái hồi quân với Thảo-toan.


Trần Tây-kết : Chém Toa-Dô


Trước đó, Toa-Dô từ Chiếm-thành kéo ra, hỏi

(1) Nay thuộc xã Châu long-duong, huyện Thuṣpong-phục, phủ Thuṣpong-tìn, tỉnh Hà-dông.

(2) Việc khắc phục kinh-dô này, AN-NAM CHÍ LƯỢC ghép vào tháng tư. Còn sự TOÀN THU và sự CƯƠNG MỤC đều đặt vào việc ở tháng năm, là vì mặt đến mồng mủi tháng năm ấy phát vua Trần mới biết lận.
với quân Mông-cô ở châu Ô, châu Lý (1); độc đường, cướp phá suốt từ Ô, Lý đến Hoan (Nghệ), Ái (Thanh), rồi tiến dòng Tây-kết (2), hẹn ba tháng sẽ san phẳng nước ta.

Vua Trần ban với quân thanh rạng: «Quan giấc bàng năm đi xa muốn đắm, liêu-dju những độ tri-trọng; thể tật mọi mét. Bây giờ ta lấy sức thông-thả mà đối-dịch với đang nhọc-nhằn, trước hãy làm bất cái khi cuối chứng đi, thì thể nào cũng phải được giấc» (TOÁN-IHU, quỳn 5, tô 48a) (3).

Tháng tư, năm Ất-dậu (1285), Chiề-thành vương (không rõ tên), Hoài-văn hậu Trần Quốc-Toàn và tướng-quan Nguyễn-Khoái đã được lệnh, đem quân tỉnh nhược dọn đánh giấc ở đầu bên Tây-kết.

Chiề-văn vương Trần Nhật-Duật và quân các đạo giao-chiên với giấc Toa-Dô ở Hầm-tử quan (4), cả phá được giấc (5).

Trong quân Trần Nhật-Duật, có gia-tướng là Triệu-trung, nguyên là người Tống, cùng đi tổng-chình và lập được nhiều chiến công.

Sau trận thua vỡ ở Hầm-tử quan, Toa-Dô can

(1) Nay là Thuận-hoa, tọc Huế.
(2) Xem bàn dọ so 2.
(4) Thước huyễn Đồng-an, tỉnh Hưng-gén ngày nay.
(5) TOÀN THU, quỳn 5, tô 48a-b: CUONG MỤC, quỳn 7, tô 38a-38b.
lượng, phải rút ra dòng ở cửa biển Thiên-trường để lấy lương thực.

Mồng 3 tháng năm, năm Mặc-dâu (1285), hai vua Trần đánh bại giấc ở phụ Trường-yên, chem giấc võ sò.


Ngày 20 tháng năm ấy, hai vua Trần tiến đông bên Đại-mang. Tổng-quan Mông-cơ là Trường-Hiền (2) xuống hàng.

Ngày ấy (20, tháng năm) đánh bại giấc ở Tày-kết: giết được và làm chúng bị thương rất nhiều; chem đầu nguyên-suy giấc là Toa-Dô (3).


2. AN-NAM CHÍ LƯỢC, quyển 6, tr.3a chấp « Trường Toa-Dô là Lệ-Cuộc-Trường làm phán ». Co lệ Lệ-Cuộc-Trường tức là Trường-Hiền, mà « làm phán » là chỉ về việc hàng bên ta.

3. Trong trận này, ta bắt được cả bốn tể-thần (như hữu tuý-trường ngày nay) Chiem-thành là Ba-Lâu-Kê, Na-Liên 30 người vị theo Toa-Dô. Đến tháng 6 năm Mặc-dâu (1285), ta sai người đưa chúng về nước.
Thấy thù-cửp Toa-Đô, vua Trần Nhân-tông buồn ngùi than câm. Rồi ngày côi ǎo ngủ, sai hữu-trù (quản-lai) khải niệm đem chôn; nhưng ngậm lạy đầu Toa-Đô, tấm đầu đem buồn dề rần kể khác. Đò vi Toa-Đô phàm tôi giã với mưa đường đi đánh Chiêm-thành dề vào lần curve nước ta. (TOÀN THU, quyển 5, tờ 49b-50a).

Trù gian : giết Trần Kiên

Sau khi hàng giấc, bọn Trần Kiên và Lê-Tắc được Thoát-Hoan khen thưởng, sai Minh-Ly-Bích-Ban làm bàn đường, định đưa bọn Kiên về Yên-kinh (nay là Bắc-bình).

Khi đến Lạng-giang, chúng bị thò hao bèn ta là Nguyễn Thế-Lộc và Nguyễn-Lịnh đơn đánh ở trại Ma-lực.


(1) Tác là Ông-châu. thuộc Lạng-san. (Xem bàn đó số 2).
(2) Theo TOÀN THU quyển 5, tờ 46b 47a ;
quyển 19, tờ 3a-b.
Dân quân tự động đánh giặc

Du-binh của Mông-cô đến huyện Phù-ninh (1), Phú-dạo-tử (2) huyện ấy là Hà-Đặc tự động đém dân quân đi đánh giặc.


Quả nhiên, giặc sợ, không dám đánh với Hà-Đặc. Quân ta bến hằng hai tận công, phải được quân giặc. Đặc tuổi đên A-lap (3), bậc cầu phao, vươn qua sống; Say-sua đánh mãi, rồi chết tại trận.

Em Đặc là Hà-Chương bị giặc bạt được, ngậm lấy được cơ si và quấn áo của giặc, trơn vể, đem dằng vua Trần; xin đừng cể và dở mặc của dịch trà-trôn lọt vào trái quân Nguyễn. Giặc không ngồi là quân ta, ta bèn dại pha được giặc.

Trần Văn-khiếp: giết Lý-hằng, Lý-Quán

Bây giờ giặc luôn thu đà trận, lại gặp tiệt hè, khi năng đủ, lúc hay múa, quán Mông-cô tự thương nhiều lắm. Thoát-Hoan bèn quyết kẻ rút về.

---

(1) Xuất ở miền trưởng-du tỉnh Sơn-lấy, ngày thuộc Phú-thọ.
(2) Như chức thể tri-châu ngày nay.
(3) Không rõ bấy giờ ở vào đâu.
việt rõ được giấc sắp rút lui, đức Trần Hưng Đạo cho đặt sẵn quân phục để đón đánh.


Tý-trương Lý-Quan thu nhất năm văn tàn quân, giấu Thoát-Hoan vào trong một thurf để đong, trốn về Tư-minh.


Mồng 6 tháng sầu năm ất-dầu (1285), hai vị anh-hùng hoàng-de nhà Trần trở về kinh-dổ Thăng-long. Trần Quang-Khai có thơ rằng:

Đoạt sóc Chưrong-dương độ,
Câm Hỏ Hàm-lữ quan,
Thái-binh’tu tri lýc :
Vạn cỏ cựu giang son (2).

(1) Theo TOÀN THU quyen 5 và AN-NAMCHI LUỘC quyen 4.
(2) Dầy theo dùng nguyên văn ln trong sir TOÀN THU là bàn ra trước họa cá. Trong HOÀNG VIỆT VĂN TUYỂN, quyen 2 lổ 2b, đặt bài thơ này của Trần Quang-Khai vào dưới đầu đê là « Tông giái hoan kính-sư » (theo Ngày-giá về kính-dổ), có ln khác một chữ « dương » trong câu ba : « Thái bình dương tri lýc ». Nếu cần phải dịch cả bài thơ này ra văn văn thì dịch thể này :

Cướp giáo bèn Chưrong-dương,
Bất ảo cừu Hàm-tử,
Thái-bình, gùng suou k’nu!
Non nước này muốn lêa...
Dịch nghĩa:
Ô bên Chướng-duong, culp được giáo giếc,
Ô cửa Hầm-tử, bắt được tường Mông-cò (vì Mông-cò như rọ Hỏ).
Nay đã thái-bình, ta nên gằng sức thêm,
Thì muốn đói vẫn giữ được non sồng nguyên lành như cũ.
CHƯƠNG TÂM

CUỘC CHIẾN THẲNG MỌNG-CỞ
LÀN THỨ BA (1287-1288) (1)

Bàn chước chống giấc


(1) Xem bàn dọ số 3 ở cuối sách.
Hung-dão vương bèn đọc-suất hết các vương hầu tổng-thất điều-bất quân linh, chế tạo khí giới và chiến thuyên.

Tháng muộn năm ấy (bính-tuất, 1286), điểm duyệt và huấn luyện binh linh đã điều-dộng.

Mông-cô khởi binh báo thù

Nam dinh-hội (1287), Mông-cô lại dấy quân để báo thù tranh thu trước, nhưng lót miệng bằng việc đưa Trần Ích-Tắc, một tên phân quốc, gốc phong làm An-nam quốc vương, về nuôi ta.


Mông 3, tháng chín, quân giặc khởi hành từ tỉnh Ngạc (Hồ-bắc).


(3) Thuộc Quảng-dông cả.

(4) AN-NAM CHÍ LƯƠC quyến 4, tù 3a chế có mười văn quan: sự TOAN THỦ chế năm mươi văn quan: sự CUONG MƯC theo NGUYỄN SỨ chế ba mươi văn quan.
Ngày 28 tháng mười, quân Nguyễn đến Lai-tân, chia ra từng đao:

Tham-chinh Ô-Mã-Nhi coi quân một vận tám, nghĩ (18.000) người; Lưu Ô-Vi, Trường-Ngọc và Lưu-Khuê thống suất vai vận quân, nam trăm thuyễn chiến bày mưu thuyễn vận tải, từ Khâm châu (1) tiên phát.

Ngày 11 tháng một, chủ sự giấc Nguyễn tiến trước khi chúng qua cửa Vân-gịnh, trường ta là Nhân-dục hâu Trần-Da (2) đặt quân phục ở Lăng-son (3), chúc đánh chiến phù sau giấc. Chúng biết trước, ngay đêm ấy, bộ quân vây núi, đến tặng sang, quân ta bị đánh lui; bèn ta và trăm người chết đuối; vậy chúc thuyễn i i bất l

Ô Mã-Nhi thưa rằng, ruồi đi trước, không đội đến lương thuyễn ở sau, thành thứ lương thuyễn của giấc mới bị hăm (4).

Quan Mông-cô xâm vào nội địa bên ta

Ngày 3 tháng một năm dinh-hồi 1287, quân bộ Mông-cô đến Lộc-châu, chia ra từng đao:

(1) Nga là Khâm-huyễn thuộc tỉnh Quảng đông.
(2) Vân-ninh nay là Hải-ninh Mông-đài. Trần Da chắc là một tướng trong tống-thất nhà Trần, dòng giữ một Bên. Sĩ TOÀN THU và sỹ KHÂM-DỊNH không chết việc Trần Da nay. Đây theo AN-NAM CHÍ LƯỢC.
(3) Cố lê là một núi ở gần miền Mông-cô ngày nay.
(4) Đây là chuyện vận lương lần thứ nhất bị ta đánh đâm. Còn chuyện như hát vào ngày 11 tháng giêng, năm mậu-tị (1288) lương thuyễn Trương Văn-Hộ bị phá trong Trần Khánh-Dư đánh đâm ở cửa Lục.
Hữu-thừa Trịnh Bằng-Phi 1) và tham-chính Xách-La-Dáp-Nhi do ả Chi-lắng kéo xuống.

Thoát-Hoan do ả Khả - lôi trần vào; hữu-thừa A-Bát-Xích làm tiến phong, cùng tiến.

Hữu-thừa Ái-L Goddess từ Vạn-nam tiến quân đến Tam - đại - giang, đánh nhau với Chiếu - văn vương Trần Nhật-Duật, bất được hai đường ta là Hà-Uống và Lê-Thạch (theo AN-NAM CHI LƯỢC, quyển 4, tổ 3b).


Ngày 28 tháng ấy, phán-thử thương vì Nhân-dức hàu Tuyên đem chu sự đánh giấc ở eo biên Da-mô; giấc chết dưới nhiều lắm. Nhân-dức hàu Tuyên bất được bốn mươi tên giấc cũng với thuyen, ngựa và khí giới của chúng, đem cả dằng lên vua Trần (TOÁN THU, quyển 5, tổ 52a-b).

Mồng 3 tháng chạp ấy, quân bộ Mống-cô mới đến Tư-thập-nguyễn.

Thoát-Hoan thấy lượng bị hầm, bèn sai Ông-Mã-Nhi đọc thức quân lĩnh cướp bóc lượng-hướng của ta để dùng trong quân.

Ngày 16 tháng chạp, minh-tự Nguyễn Thúc, dem

---

(1. AN-NAM CHI LƯỢC chép là Trịnh Bằng : CUONG MỤC chép là Trịnh-Bằng Phi.)
Thành-dực Dũng-nghiệt quân tôi chở được Trần Hưng-dạo, giữ cửa biên Đại-thanh (1).

Ngày 23 tháng chạp ấy, Thoát-Hoan lại chia quân tiến đánh. Chủ sự của tham-chính Phân-Tiệp theo Thoát-Hoan đến Bắc-giang (2).

Quán ta ngần sông, chống giữ, nhưng không còn được giấc. Chủ sự Mông-cô vào được sông Cái (sử chép là sông Lô) : Vua Trần thua quân.

Dánh bất được bốn phân quốc Lê-Tắc !

Bây giờ bốn phân quốc Lê Tắc cùng theo giấc Mông-cô sang lân cuộp, nhưng vị còn lưu lải ở châu Tư-minh (3), nên moi đi sau.


Quán ta đánh suốt ngày đêm : nhà cửa cháy, tên thường được bắn như mưa... Giặc kiệt sức, đến canh năm thì tan vỡ : Hậu-Sư-Dạt chết trận. Vài ngàn tên giấc lạc đường, đều bị vây hầm.

(1) Nay thuộc huyện Gia-binh tỉnh Bắc-ninh.
(2) Sa oí đi là Kinh-bắc, nay gồm Bắc-giang và Bắc-ninh.
(3) Thuộc tỉnh Quảng-tây.
(4) Thuộc tỉnh Lạng-sơn ngày nay.
(5) Thuộc địa phân tỉnh Cao-bằng ngày nay. Trong AN-NAM CHÍ LUỘC quyển 19, lô 3b chép là Bình-giang.

L.H.D.

Lê Yến cười con nghĩa yêu, phải tụt lại sau cùng, suýt bị quân ta bắt sống. Tác liên đội cho Yến con nghĩa khóc mà Tác đang cười, rồi ra roi vụt nghĩa Yến, rồi vụt(len) trên. Phía trước lại bị quân ta hai mặt giáp công: chúng phải nheo nhóc chất vật, suýt chết hàng mùa lần, một ngày phải chay đến vài trăm dặm, di từ nữa đêm đến mới sáng, mỗi quay về được đến ai Châu-châu(?) là đất nhà Nguyên.

Trần của Đại-bằng: bắt 300 thủy yên diệt

Ngày 29, tháng chạp, năm đình-hồi (1287), Thoạt-Hoan qua sông Cái (sũ chép là sông Lô), A-Bát-Xích theo đọc bờ phia đông sông Cái phải cứu ai Hạm-tur.

Vua Trần lui giữ ai Hải-thiê: bi đại bình bèn Nguyên danh phá được.

phạm kinh-thành Thăng-long (Theo AN-NAM CHÍ LUỘC, quyuên 4, tờ 3b—4a; TOÀN THỊ, quyuên 5, tờ 52b; CUỘNG MỤC, quyuên 8, tờ 3a).

Mùng 4 tháng giêng, năm mậu-tì (1288), Thoát-Hoan quay về đơn cứu ở Bắc-giang (nay là Bác-giang và Bác-ninh).

Ô-Mã-Nhi đánh phá phủ Long-hùng (1), khai quật cảng Chiêu-lăng là mồ vua Trần Thái, nhưng không xâm-phạm đến tề-cung (2), (TOÀN THƯ, quyuên 5, tờ 55a).

Rồi do đường biển, Mã-Nhi di đơn lường thuyễn Trường Văn-Hồ.

Mùng 8, tháng giêng ấy, bèn ta hội quân, đánh giặc ở cửa Đại-bằng: bắt được tiêu-thuyễn (3) dịch ba trạm chiec, chém được mười thủ-cấp dịch. Giặc Mùng-cô chết дưới nhiều.

Trần Văn-dồn:
dánh đơn lường thuyễn Trường Văn-Hồ

Bây giờ Trần Khánh-Dư làm phó thượng & Văn-dồn, được dực Hung-dạo vương ủy-thặc hết cả mọi việc biên-cảnh.

Khi ấy, Ô-Mã-Nhi đem chu-sư ra cửa Đại-bằng đơn đoàn thuyễn lường do Trường Văn-Hồ vân-tài.

(1) Nay thuc huyen Hung-nhan tinh Thai-binh.
(2) Quan-tat nha vua lam bang goi tu, goi la « tuc cung » 村 宫.
(3) Cac tinh duyen-hai ben Trung-quoc bai gio denu co tien-thuyen de thao-huyen thuy-binh va vi ra bien, di tuan, bat gipec urp.
Khánh-Du đánh nhau với Ô-Mã-Nhi, không thắng lợi suýt bị xẹng đến chỗ thượng-hoàng Thanh-tông dòng đề chử lơi.


Khánh-Du ruồi thay báo tin thắng trận. Thượng-hoàng Thanh-tông xa cho tội thua trận trước.


Bời trận thất-bại ở cửa Lực ấy, giác Nguyên thiếu ăn, ngày càng quân bách, ai này chần-nần muốn vợ,

(1) Trong AN-NAM CHÍ LUỘC chép : « Trương Văn-Hồ thoát tiến dùng phải quân ta ở cửa An-bang » (nay là Quẳng-yên).
(2) ở phân biết gần Hòn-gay ngày này. Hân vốn trong 'TOÀN THU' vâ công mục chép là « Lực-thấy đường ».
(3) AN-NAM CHÍ LUỘC chép : « Thuyết trận thảng bị hạm, Văn-Hồ cởi một chiếc thuyết cối, chạy về Khâm-châu ». (Nay là Khâm-huyễn, thuộc tỉnh Quảng-dông).
không có linh-thần chiến đấu nữa. Cho nên năm mẫu-ti ấy (1288), trăm hợp bèn ta không bị đất khổ lăm bằng chuyền giấc Nguyên sang lân cướp hồi năm đất-dầu (1285) (1).

Giả can lương: tinh-thần nao-núng

Mồng hai, tháng hai, năm mẫu-ti (1288), vua Trần sai người anh con nhà bác (tùng huynh) là Hưng-ninh vương Trân Cao luôn đem trại Thoát-Hoan rước-henh xin hàng: cô y «kéo dài», làm cho quân Nguyên phải giải yếu, kiện sức, nhưng dẻo dẻ, lại sai Quân cảm từ dời ra đánh cướp cách đỉnh trại giấc. (Theo AN-NAM CHÍ LUỘC, quyền 4).


(2) Theo AN-NAM CHÍ LUỘC, quyền 4, tờ 4b, thì Nhữ có tự hữu can ngần, Thoát-Hoan nói thời việc dots thành; nhưng sire TOÀN THU chép thương-hoảng Thạnh-tôn phải nguy ở thị-về lang, tài vi cùng đến giấc dots cá.
Sau tran cua Luc, luong thuyen bi danh dam, giai Mong-co tu day da thieu an, lai bi quan ta dem dem dot kich: danh trai, curop don, nen chung sa vao tinh canh rat khon quan! Chung thuong phai chia duong de curop luong thuc. Than-no tong-quan la Giai-Nhuyet-Ngu dang ke ban voi Thoat-Hoan rang: nen rat quan ve, chur khong giu duoc.

Thoat-Hoan cung noi: « Dat thi nong nuc, nuoc thi am-thap, luong thi theu, quan thi met! » Han ben ba lenh rat quan.

Truong-hieu trong thuy quan ban voi Thoat Hoan: « Thuyen luong hai lan cho vao deu bi ham ca. Chi bang pha huy thuyen di, theo duong bo ma ve, la cuoc cao hon het ». Thoat-Hoan toan nghe, nhung ta hieu can ngan, moi khong theo ke ay nua.

Tong phan cong
Hung dao vuong biet truoc rang giai Mong-co the nao cung sap rut lui, ben bo tri ca mat thuy lan mat bo de phan cong giai.

Mat bo, ngai sai dao cac bo danh bay nga, dut quan phuc kich, quan truy kich va pha cau cong nhung loi quan giai dinh rut.

Mat thuy, ngai sai dong cong o song Bach-dang, tren phu be co che kim de chuc doi giai.

Mong ba, thang ba, huu-thura Trinh Bang-Phi (1).

(1) AN-NAM CHI LUOC chet la « Trinh-Bang » (khong co cha « Phi »).
thiếm-sánh Đất-Mộc thống suốt quân kỳ, đi đón chu sự Mông-cô. Qua chỗ Đồng-hò nghiêm nước, chúng lại quay về. Chúng dễ cả công cụ đều bị quân ta phá hủy cả dứt, dang rinh để đón đánh giấc.

Hưu-thira Trinh-Bằng-Phi bên lừa lấy quân cùng mạnh, hổ-vệ Thoát-Hoan chạy trốn. Khi đến ai Nơi bàng (1), chúng bị quân ta hợp lại đồng nghĩt, đánh chấn đường. Văn-hổ Trường-Quan, với ba nghĩn linh, có sòng có chết liều danh, mỗi chạy thoát được ra khỏi cửa ai. Khi chúng do-thám thấy nói quân ta chia giữ ở Nú-nhí (2) và núi Khùr-cáp (3) đang-giang đến hơn trăm dâm đê chấn đường về, chúng càng vỡ cùng sợ hãi, vừa đánh vừa chạy. Quan ta từ trên cao, bắn tên thuốc độc, kheiên cho các trường dịch là Trường-Ngọc và A-Bất-Xích đều chết; tại trận. Trường sẽ bên Nguyễn phải buộc vật thường, trọng giao chúng cứ: xác chết ngọn ngang chòng gió lên nhau! (4)

Còn bên ta, trường Phạm Trù và trường Nguyệt-Ky đều bị giác bất và chém chêt (AN-NAM CHỊ LƯỢC, quyển 4, tờ 4b).

(1) Nay thuốc tịnh Lạng-son.
(2) Thuộc Lạng-son.
(3) Đây thuốc Lạng-son.
Thoát-Hoan nghe nói quân ta đào hố đánh bãi ngựa và dòng giir của ả Nũ nhi (1), bèn sai viên châu-mộc châu Tư-minh là Hoàng-Kiên dẫn dì đường rất chạy đến Lộc - châu (2), rồi trở về Tư-minh-bảo Áo-Lồ-Xích thu-thập tan quân, nheo nhọc kẻo nhau về Trung-quốc (3).

Trần Bạch-dằng : bất Ô-Mã-Nhi

Mộng bay, tháng ba năm mậu-tị (1288), chu sử Mông-cô rút đến Chức-dông; quân ta dỗ ra công-kịch, bị trường giấc Lưu Khuê đánh bại : bất được cửa ta hai mươi chiếu thuyên.

Mộng tầm tháng ba ấy, Ô-Mã-Nhi đến song Bạch-dằng.

Hung-dao vương nhân nước triều lên, thừa thuyên khieg chiến, roi giả cách thua chạy. Giặc tung hét quân ra đuổi theo...

Bây giờ con nước rút xuống mau chóng. Quân ta trở sức đánh giặc. Thấy thế nguy cấp, chinh Ô-Mã-Nhi phải cầm đầu toàn lượng bình, ra nghe ng nephew chiến.

(1) Thuộc Lạng-sơn. Trong AN-NAM CHÍ LUỘC chép là « Anh-nhi ».  
(2) Xưa thuộc châu Tư-minh bên Trung-quốc. Đến năm 1426 mới thuộc về ta. Đội Lê, gồm cả Lộc châu với châu Tây-bình, đặt làm châu Lộc-bình Nayar thuộc Lạng-sơn. (Xem bản đồ sơ 3).  
(3) Bây theo AN-NAM CHÍ LUỘC quyển 4, tr. 4b-5a : CUONG MỤC, quyển 8 tr. 9a. Còn TOÀN 1HỮ, quyển 5, tr. 5ib chép Thoát-Hoan và A-Thai đem quân về Tư-minh, bị thể-quan Hoàng-Nghệ bắt được. đem đường vua Trần.
Trương-quan Nguyễn Khoaí quân lĩnh Thánh-dực nghĩa-dũng quân, thực quân đánh hàng, cả phá được giấc (1).

Ngày lúc ấy, hai vua Trần lại đem đại binh đến tung quân ngự doanh ra đánh rất kích liệt.

Ô-Mã-Nhi phải thu新华网 thuyên còn sót để chay trọn.


Ngày 17 tháng ba, năm mậu-tị (1288), ta sai đem hơn tương giấc Tích-Lê-Co-Ngọc, nguyễn-suíy Ô-Mã-Nhi, than-chính Sâm-Đoàn, than-chính Phàn-Tiệp, nguyễn-suíy họ Điền (không rõ tên) và van-hợp, thiên-nhô đem đẳng ở Chiêu-lảng (5) làm làm lẽ hiện tiếp (6).

(1) TOÀN THU, quyển 5, tr. 54a-b chép Nguyễn Khoaí, trong trân này, co bất được binh-chương Mông-cô A-Lô-Xích.
(2) Một tương phong dời Trần.
(3) Tên một tương Mông-cô. Nhieu sách, báo quốc ngư làm làm hai người.
(4) TOÀN THU, quyển 5, tr. 54b.
(6) TOÀN THU, quyển 5, tr. 54b.
Giết Ô-Mã-Nhi

Thăng hai, năm kỷ-sửu, niên hiệu Tùng-hưng thứ năm (1289), ta cho tổng-nghĩa là lang Nguyễn-Thịnh đưa binh-phủ-tử nhà Nguyễn về nước:


Ta sai nói-thu-gia Hoàng-tá-Thôn triện Ô-Mã-Nghi về đường thủy, nhưng đúng những tay giỏi bỏ lối để
lâm thủy-thữ trong truyền. Nhân ban đếm, đức truyền
đánh chim: Ô-Mạ-Nhi chết đuối.

Rồi ta phải gay-go giao-thiết mái với Mông-cô vè
cã chết từ Ô-Mạ-Nhi.

Thằng ba, năm kỷ-sửu (1289), vua Trần gửi cho
vua Chi-nguyễn bên Mông-cô một bức thư, trong có
nói: «...Tham-chính Ô-Mạ-Nhi, theo kỳ đã định, đang
lể cùng kẻ-tiếp vè sau. Ông ta cho rằng đương đi qua
lời Vân-Kiếp, nên xin trước hãy đến choi nhà Hùng-
dao để sửa-soạn hành-lý. Chẳng may, đem đến, thuyen
rì nước. Tham-chính, tấm-vóc cao lớn lực lượng, khổ
bể cứu vòt, đem nội mới phải chết chim. Người cho
thuyên của tiểu quốc (chỉ nước ta, tiếng nội nhũn)
vì vòt ông ấy, cũng đến phải chết cả ! Thế, thietf, và
tiều đồng của Tham-chính cùng sựt chết đuối, may
vi mình-mây bè nhé, nên mới cứu được. Tôi (vua Trần
từ xưng) dã sai làm lẽ hòa cánh, nhờ công-dực Phật
siêu độ cho ông ta rồi. Việc đó, chinh mát thiên-sử (sử-
giả Mông-cô) là lang-trung Lý-Tur-Diên dã chung kiến.
Nếu có điều gì khốn kinh cần, thì còn vơ cả, vơ lẽ
duở của Tham-chính ở đây, che-dây the nào được?...»
(NAM-SỬ LUỘC BIÊN, quyển 2, tờ 24a-b).

Về sau, người Nguyễn cũng không vấn hôi vê
việc này nữa. (CUONG MỤC, quyển 8, tờ 11a-b)
CHƯƠNG CHÍN

TƯ BÀI HỊCH TƯỜNG SĨ ĐẾN SÁCH VĂN-KIỄP' TÔNG-BÍ TRUYỆN

Ô mây chương trước, ta đã thấy rõ vở công của đức Trấn Hưng-dạo rồi; đến chương này, xin giới thiệu văn nghệ sĩ của vị đại anh-hùng dân tộc ấy. Có điều nén nhớ: văn nghệ sĩ của ngài không phải là lỗi khoa-cự Tư-chương, miệt mài trong những got rủa tiêu xảo, mà là thụ văn đọc đất, ngang trời, kinh bang, tế thế,

Hiện giờ, ngoài những BỊNH THU của ngài đã thật truyền, ta chỉ còn thể biết văn nghệ qua bài Hịch dự các trường sĩ bằng Hán văn, viết vào hồi kháng chiến Mông-cổ. Vậy nay xin so sánh nguyên văn đã in trong các sách TOÀN THU, CUỘNG MỤC và HOÀNG VIỆT VĂN TUYỆN mà dịch nghĩa và chú giải như dưới:

Ta tung nghe nói: Kỹ-Tin đem thân chết thay, cứu thoát Hán Cao-tồ (1).

(1) Hân Cao-tồ (206-195 tr. C. n,) bi Hạng-Vũ vậy, gặp quả, Tin bèn gã làm Hán Cao, thay ra hàng Sở; vi thế. Hán Cao trừ thoát còn Tin thì bi Hạng Vĩ thiếu chết.
Do-Vu lấy lòng dỡ giáo, cho dỡ Sở Chỉu-vương (1).
Đức-Nhượng nổi than, bảo thụ cho chủ (2).
Thanh-Khoái chuẩn thay, cứu nan cho nước.

Kinh-Dực là một tiểu sinh, dến than cứu Đặng Thái-tôn cho thoát vòng vây Thề-Sùng 3).

Kiều-Khanh là một tôi xa, lớn tiếng mừng An-Lộc-Sơn, không theo mưu chư ofrec nghĩa lạc (4).

Tit xua những kẻ trung thần nghĩa sĩ vì nước quên mình, dời nào chẳng có? Già thử mưa gã ấy cứ du-dù như tượng nhỉ-nời, chết vòng ở xó nhà, thì danh họ đầu có đề trên sự xanh, cùng trái đất trưởng thọ mà bất hủ.

Các người nói dời, làm con nói nhà tương, không hiểu vấn nghĩa, nói nghề ta nói, hãy còn nữa tìnhCORDngò. Những chuyển ngày xua ấy không bận với. Nay ta hãy nói chuyện dời Tông, dời Nguyên:

(1) Sách TÀ-TRUYỆN chép Sở Chỉu vương bị giấc lấy giáo đâm
Do-Vu chúa long mình ra che dời cho Sở Chỉu.
(2) Đức-Nhượng người nước lần, đời Chỉên-quốc (481-221 tr. C. n.; thụ Tri-Bá. Khi Triệu Trương-tự và Hán Nguy điệt Tri-Bá,
nhung ben san minh nhu quất, nạo than làm cắm, mưu giệt Trương-tự để báo thụ cho Tri-Bá; những hai lần cùng bị Trương-
tự bắt được. Lần trước, đã Trương-tự thưa ra; lần sau, Nhương
dời xin câi ức của Trương-tự mà dánh đề lỡ yêu trả thụ cho Tri-Bá
rồi tự sát.

(3) Đặng Thái-tôn (627-649) tén là Lý Thế-Dân, khi còn làm
Tân-vương, có đánh nhau với Vượng-Thề-Sùng, bị Thề-Sùng vây
khön, nhưng có Kinh-Dực cứu giúp mới thoát được vòng vây.
(4) Đời Đặng Huệian tốn (713-755), An-Lộc-Sơn nói loạn. Kiều-
Khanh giữ lòng trung nghĩa, không chịu theo giấc.
Đặng-Unh-Dao

Vương-Công-Kiên (1) là người thế nào? Ti-trường của Kiên là Nguyễn-Văn-Lập (2) lại là người thế nào? Vây mà dám dem cái thành Đếu-ngur (3) nhờ môn bằng chắc chắn với mũi girom non bên ông-ngơn hằng trầm van quân của Mông-Kha (4), khiến cho sinh-linh nhà Tống đế nâng cresc nhở on đây.


Hướng chi ta với các người sinh ra ở buội rồi ren, lơn lên giàa lúc mất vất, chứng mất trọng thủy

(1) Người đối Tống.
(2) Học Nguyễn Sơn-Lập.
(4) Tức Mông-kê, vua Mông-cô, m interstate là Hiền-tôn, anh Hô-Tái-Lạt.
(5) Tức Wouléangota nhập NGUYỄN SUFFER là đảo Lương-Hợp-Thai (hoặc Ngôle-Lương-Cáp-Thai). Thống giúp tập làm chắp là Ô-
Đức-Lý-Cáp-Đạt.
(6) TOÀN THÙ và CƯỜNG MỤC đều chặp là Cân-Tu-Tur. còn HOÀNG VIỆT VÀN TUYẾN in là Kích-Tu-Tur (vi « Cân » và a Kích » maths chất gần giống nhau).
(7) Sau là Địa-lê, học Địa-tý, ngày là Văn-nam.
(8) Tức Mông-cô.
sứ nguy qua lại, tôi lập trên đường, nồn tác lucrĩ(vertices) vô làm nhục triều đình, đem làm thân cho đề kể lơn lẽ phú ! mơn mệnh-lệnh Hồ-Tạt-Liệt (1) mà đổi ngược lua đề làm việc hạch xác không chân ; đứa hiệu-lệnh Vần-nam vương (2) mà vào vang bac đề khoét cửa kho dồn có ngạn ! Thề khắc nào dem thí ném cho cop dối, tránh sao khoi lo vè sau ?

Ta tĩng đen bọt quen án, ban đem vô gọi, nước mặt nước mùi trào ra gó mà, lòng dâu như rắn, thường cắm Giá trầm «không được» (3) nuốt thí, nằm đa, ăn gi, uống máu quan dịch. Thần ta dũ phải chết làm tâm mình mà dính khắp cả dông, thủy ta dũ phải chết dân nghe nhìn lăn mà bọc vào da ngựa, ta cùng sẵn lòng, xin làm.

Các người ở mơn-hạ ta dã lăn, nằm giữ bình quyền: ai không có áo thì cho áo mặc ; ai không có ăn thì nuối cho ăn ; quan thấy thì thằng cho trước ; lộc bắc thì ban cho bồng ; đi thủy thì cấp cho thủy, đi can thì phát cho ngựa ; giao cho việc bình thì sồng chệt có nhau ; mỗi vào trong nhà thì cùng vui cười nội. Như vây sánh với Công-Kiên làm tì-lương, Ngọt-Lảng làm phó-nghi, nào có kém đâu?

Các người ngồi nhìn chủ nhục, chẳng hề lấy thế

---

(1) Túc Nguyễn Thề-ỉo.

(2) Sau khi lấy được Đổi-ỉy (nay là Vần-nam) Nguyễn Thề-ỉu bèn phong cho con là Hổ Kha-Xích làm Vần-nam vương đề cải trị.

(3) Theo Cương Mục có hai chữ «bài nảng». TÔAN THƯ KHÔNG CÓ.
lắm lo; chinh mình phải «ném» (1) nước sôi, chẳng hề
lấy thể làm thêm; làm ông trưởng ở nước trùng-
trọng (2), phải dùng hầu như trùm mọi mà không rực
lông cảm tức! Nghe khúc nhạc thái-thương (3) phải
dem lâu thiết tức giấc yên ả mà không nói về gián
hơn! Hoặc chờ già mua vui, hoặc có bạc lấy thích, hoặc
chắm ruồng vi rốn để nuối nhà, hoặc quan-quit với con
dề thỏa linh riêng. Sự nghiệp sinh-sân mà quên việc
quân, quốc; ham chores vẫn bán mà chenh-mảng lấp-
tành đánh, giữ; hoặc nghiêm thực vụ ngon, hoặc mê
tiếng dâm.... Thoạt có giấc Mộng-cô That-dạt
xông đến, thì cựa già sắc không đầu đã rạch trước ao
giáp giấc; mạnh-liظم có bạc không đầu dừng làm
muu chưới việc quân; giấu có diễn-viên không đầu
chuốc trước làm thanh nghein vang; bán-biều với con
không đầu sung vang công-viec quân quốc; sinh sần
dầu nhiều không đầu đầu mua đầu giấc; rướn ngon
không đầu đầu độc quân giấc; tiếng dầm không đầu
lắm ức lại giấc!

(1) Theo TOÀN THỤ chép là «thương» [12]. Còn CƯƠNG MỤC
và HOÀNG VIỆT VÀN TUYỆN đều in «dương» [13].

(2) Đây theo TOÀN THỤ quyển 6, tr. 11b-12b chép là «trưng
quốc», nén dịch là «quốc trưng trọng». Chủng tích Trân-Hưng-
Đạo, tác giả bất hạch, bấy giờ, muốn nâng cao «dia-vi quốc gia» lên
dề kịch lệ trưởng sự, nên mọi nói nước mình là «trưng quốc», mà
mại sat Mông-cô là đi-dịch (quy trình Mông-cô là «di tử»). Bùi
Tôn-am, khi soạn bổ HOÀNG VIỆT VÀN TUYỆN có lẽ không thái rơ
cắt thẩm ý ấy của tác Trân Hùng-dạo, nên tưởng sẽ cứ in làm
bên dâm tạt tiến dời hai chữ «trưng quốc» làm «bang quốc»,
Xem HOÀNG VIỆT VÀN TUYỆN, quyển 7, tr. 1b-4b).

(3) Theo TƯ NGUYỄN, thì «thái thương» chỉ có hai nghĩa: có
thái thương và chìe quan đồi Hâm giữa ở nghị nơi tôn miếu,
Đây nót «nhạc thái thương» có lẽ là một thứ nhạc thơ đồi Trân
dưng để tế tạt nơi lòng-miếu chẳng?
Đường lục bày giờ thay trở nhà ta bị trời, dằng dẳng đón đơn làm thay l! Chúng những thái-áp (1) ta bị trước, mà bồng lộc các người cùng bị kể khác chiêm mặt; chẳng những gia quyền ta bị xua đuôi, mà vậy còn các người cùng bị kể khác bất sông; chẳng những xã tắc lở tôm ta bị kể khác chưa lần, mà mồ mà cha mẹ các người cùng bị kể khác đạo lên; chẳng những ta kiểm này chịu nhục, đau trăm đói sao cũng không rụt sạc tiếng nhỏ, còn mãi tên thuy (2) xấu; mà gia tận nhà các người cùng không tránh khỏi cái tiếng là viên tưởng bại trận! Trong khi bày giờ, các người đâu muốn lương-lượng vui sóng, phong có được không?

Nay ta bảo rõ các người: nên nghĩ đến cơ nguy là đâm lửa chở chất củi (3), nên ran cái nan đã trái là bồng canh một lần thì thời cả đất là làm kém (4), phải ren dây quản hình, lập tận cùng tên, kiêm

(1) Đời phong kiên, phảm đạt mà khanh, đại-phu đực phong đế thư lạy thưc-ma làm bồng lộc, gọi là « thái-áp » hoặc « thục-áp ».


(3) Nguyên văn là « thọ hòa tích tận », chế trong HÂN THỤ đem lửa đè ở dưới chở chưa cử mà năm tên trên; thay lửa chưa: kõt bô chay, đã với gọi là yên ông. Ý nói phải lò cái ử ngầm ngậm.

(4) Nguyên văn là « trừng canh suy tế », chế trong SƠ-TỦ. Ý nói phải kiềm ran quá lầm.
người này người khác đều là Bàng-Mông (1) nhà nào nhà này đều là Hàn-Nghệ (2), đều đầu Hổ-Tát-Liệt ở dưới cửa khyết, xả thịt Vân-nam trọng ở chốn cào nhai (3), thì chẳng những thái-üp ta giữ được làm chiếc « chiến xanh » (4) mái mái, mà bồng lộc các người cũng là on ban suốt đời duec hướng; chẳng những vợ con ta duec yên trên giường đềm, mà vợ con các người cũng duec bách niên giải lão; chẳng những tụng-miều ta duec lẽ lẻ muốn đời, mà ông cha các người cũng duec hướng huyệt thục (5) trong những kỳ xuân thu cùng lẽ; chẳng những ta đổi nay dạc chi, mà các người trầm nam sao cùng bất hủ, còn mái tiếng thom; chẳng những tên thuyl ta đẹp mái đổi đổi, mà tên họ các người cùng đề thom trên súc sách. Đương lúc bây giờ, các người đầu không muốn bây cuốn vui sóng, phỏng có duec chăng?

Ta nay đã soan-bình phùc các nhà làm thành cuốn sách, dạt lên là BỊNH THƯ YẾU LỰC. Các người nhiều biết chuyển lặp sách nay, nghe lời ta dạy thì là thấy trờ từ kiếp trước đến giữa; nếu vất bờ sách nay trái lời ta dạy, thì là kẻ thù từ kiếp trước đến đời nay

(1, 2) Điều là những nhà thiện sà bền Trung-quốc xửa.
(3) Đôi Tổng, chỗ nhà đề cho mán mọn ở, khi họ vào triều cần gì đó là « cầu nhai ».
(4) Do diễn trong THỂ-THUYẾT (Vương Tố-Kinh đến nam trong nhà, có bẩn trạm vào nhà, vợ hết tất cả đó dạc. Vương thủng-thằng bảo) « Chiến chiến xanh là đỗ lâu đời của nhà ta, các anh phải bột lật dầy ».
(5) Xuấtng huyệt con sinh để cùng-tế, nên gởi sự duec hướng cùng-tế là « huyệt thục ».
Sao vậy? Mộng-cô Thất-dất là quan thụ không đối trời chung, các người đã nhơn-nhon không nhờ rụa hơn, không nghĩ trừ dù, lại không ren dạy quan lĩnh, thế là giới giáo, đốn giấc, lay không, chịu hằng, khiến sau trần thành Bình-lộ (1) để xấu muốn mọi, thì còn mặt mũi nào dùng trong vòng trời che đặt chỗ nữa? Vậy muốn các người biết rõ lòng ta, nhận căn bulb viết lời lịch.


Tác-giả bài Tựa ấy mở đầu bằng mấy câu nay: « Người giải cảm quản thị không căn bầy trần, người bội bầy trần thì không căn danh, người giải danh thị không thưa, người biết thưa thì không chết..... »

(Dịch theo nguyên văn chữ Hán)

Rồi nhà viết Tựa cho ta biết đến yêu-chỉ của sách: «..... Quốc-công (2) ta bèn hiểu định, biên soạn đồ pháp các nhà, tập thành mới bờ. Dầu rằng mấy-chút nào cùng biên chế cập, nhưng khi đung thì phải bở

(2) Chí được Trần Hưng-dạo.
bết cái phỉn, tóm lại cái thực. Lại ưng dụng theo ngữ hành (1), quyền nghi theo cứu cung (2), phối hợp theo thể cùng mềm, tuân hoàn trong vòng lẽ chẩn, không lần lồn âm, đường, thành, sát (3), lộ phương (4), cắt điều (5), hung thân (6), ác trường (7), tam cât (8), ngũ hung (9); thấy đều rõ ràng, phảng phất tinh thần nội Tam đại (Hà, Thường, Chu). Trầm trầm dàn danh đều được toàn thắng. Cho nên đường thời, phia Bắc, làm rung động cả Hùng-nô (chỉ Mông-cô) phia Tây, uy phục được Lâm-áp (tức Chiếm-thành). Ngài bên trao lại sách này để làm gia truyền, chữ không tiệt lởi ra ngoài.

Ngài lại dân rằng: « Vẽ sau, phẩm các con cháu hoặc các bồi-thần của ta được cải bì thuất này thì nên coi là mình triệt, theo đây mà dân thế, bày trận, chứ không nên khảo nhau cho là một ông di vẫn gần Doğu mới tổi, Nếu không nghe lời ta dân báo thi chính

(1) Kim, móc, thủy, hỏa, thổ.
(3) Giết chết.
(4) Phương hướng thuận lôi.
(5) Sao lành.
(6) Thần дир.
(7) Ông trường hung đặc.
(8) Ba điều lảm.
(9) Nắm điều дир.
thần mình sẽ chịu lời, mặc hai, mà cả đến con cháu cùng phải và nuôi. Đòi vi làm lộ thiên cơ ». (Dịch theo nguyễn văn chử hán).

Nhận bài Tự của Trần Khánh-Dư, ta biết thêm rằng trong đức Tràm Hùng-dạo, có vô tất có vần; đã « biết », phải hợp một với « làm », nên bình pháp ngại đem ứng dụng thì " trấm tranh đánh đều được toàn thắng " (bách công toàn thắng) như nhà để Tự đã nói đó.
CHƯƠNG MƯỜI

NHẮC LẠI NHỮNG KINH NGHIỆM ĐÃ CHIẾN THÀNH MÔNG-CƠ

Để thay lời kết luận câu sách, chương này xin nhắc lại đôi chút kinh nghiệm mà đức Trần Hưng-dạo đã để lại trong mấy cuộc kháng chiến Mông-cơ.

Mông-cơ sang lần cuối cùng, có chuyện đến rồi năm mươi sáu quận

Về phần bên ta, chuyện nào phải dùng viên nhiều nhất chỉ đến hơn hai mươi quận là cùng. Nhưng theo lời tổ chức bình biết đường thời, thì "khi hữu sự, hết thấy nhân dân đều là bình linh" (GUONG MỨC, quyển 6, tờ 27b). Chế và mưu chuyền kháng Nguyễn, tác giả AN-NAM CHÍ LUỘC thường dùng những câu như "cả nước đều đồng dàn" (1) hoặc "sớm nước đều chống ngãc" (2). Mà LỊCH TRIỀU HIỆN CHUONG cũng chếp : "Trảm họ đều là quân

(1) Nguyễn văn : "Cự quốc nghênh direch" 習國 迎敵.
(2) Nguyễn văn : "Cự quốc cự direch" 習國 拒敵.
linh, nên mới phả được giác to và làm mạnh được thể nước». \((BỊNH-CHỂ\ CHỊ)\).

Mộng-cô, trong năm dinh-hội (1:87), đánh kinh-thành Thằng-long, đã dùng đến sung, ngoài những cung nò là ngọn trời nhất của quân dịch.

Còn bên ta, chỉ có thư tên làm thuộc độc là một chiến cụ lợi hại nhất. Thế là, về với khi, ta cũng kém sút quân dịch. Nhưng ta năm được may mắn dữ điểm này:

«Mộng-cô lợi ở trường trận, ta lợi ở doàn binh. Lấy doàn mà chỉ trưởng». \((Lời Trấn-Hưng-dạo)\).

«Quân giác hàng năm đi xa muốn dầm, lưu-duy những đó trì-trọng, thế tất met mới. Ta lấy sức thông-thả mà chờ đợi đang Holocaust, trước hãy đánh cho chúng bất kỳ-sức di thí thế nào cũng phả được». \((Lời Trấn-Nhan-tơn)\).

Chính dực Trấn Hưng-dạo đã nói: «Năm trước, quân Nguyễn vào lần cuối, dân ta chưa biết việc binh, nên mới có kẻ xuống hàng và người lần tránh. Nếu chúng lại sang, quân sẽ ta đã quen trận-mạc, mà chúng thì nhớ met vi phải đi xa, lại trượt vì việc Toa-Đô, Hàng, Quân đã thỏa lần trước, không có tinh thần chiến đấu, thì tất thế nào cũng phả được».

Và ngoài dã cảm chắc thằng lợi cuối cùng trong trận khang Nguyên lần thứ ba, nên mới dụng-dùng nói: «Thế giác năm này nhân! » Y nói để đánh, không có gì dằng lo ngại.

Đến khi tác chiến, lại khôn khéo áp dụng được những chiến lược và chiến thuật như:

- Thịnh thạo xin hòa để hòa hoãn tinh-thể.
- Giả cách xin hàng để làm kiêu kí Quân giải.
Bồ kinh-dơ Thắng-long, lẫn trận và các miền rừng núi đều bao toàn lấy quân chủ lực.

Trước khi rút bồ kinh-dơ, chỉ để cung không, điện-trọng với ít giấy tờ không quan-trọng, còn thì đến và tiêu hủy hết cả.

Trong dân gian, tuy không thấy Sư chèp làm chước «thanh dâ» (1), nhưng năm năm mậu-tất (1288), giấc Mông-cơ, sau khi lương thuyên bị đánh dâm ở cửa Lục (2), phải đỗ di các ngả để cứu lưỡng phán, rồi phải rút về vì thiếu ăn, thì đủ biết có lẽ bày giờ thốc gào trong dân gian, phần thì giấu đi, phần thì tiêu hủy, nên quân giấc mơ khó kiểm lưỡng phán được.

Cô ý làm cho quân dịch mòn mới, chán chội, «muôn đánh cũng không được đánh». (3) Để đổi thời cơ thuận tiến, bày giờ mới kích liệt phân công.


(1) Dùng sách dòng-nhi, không được thác lừa cho quân dịch được lỡ.

(2) & Hồn-gag bây giờ.

(3) AN NAM CHÍ LƯƠNG quyển 13, tơ 4a chèp: «Quan quân (chỉ quân Mông-cơ) dược chiến bắt dâc».

(4) Cháng hạn: Trên Tây-kết có nhiều đảo quân như quân Trần Nhật-Duật, quan Trần Quang-Khai, quan Trần Quốc-Toản, quan Nguyễn Khodi và quan hai vua Trần cùng đến được chiến.

(5) Làm trước để chế trị người.
Đề tiêu-hao lực lượng địch và làm cho tinh-thần dịch phải xao-xuyến, đêm đến, ta throng tung ra những quân cảm-từ, đốt kich các đơn, các trại giặc Nguyễn 1).

Trong việc chiến-trận, không cứ đối nào và ở đâu, bao giờ cũng phải đặt vấn-de tiếp-tế lên trên hết. Đức Trần-Hưng-dạo đã nhìn rõ điểm ấy, nên trong cuộc chiến tranh tự-vệ lần thứ bạ, ta hai phen đánh dập được lượng thủy tiên của giặc Mông-cô, vì vậy mới giữ được thắng lợi oanh-liệt ở trận Bắc-dắng (1288).

Liều trước Mông-cô thế nào cũng thật-bại, mà mưa vien-nhiệt lại là thời-ky bất lợi cho giặc ngoài, phương lực phòng cống của Trần Hưng-dạo được sửa-soạn, xếp đặt rất chu dáo: Mật bố thì lợi dụng những đường hiềm trở ở các quan-ại mà đặt phuc binh; mật thủy thì phòng theo chiến thuật của Ngô vương Quyến, lợi dụng thủy triều lên xuống ở Bắc-dắng mà dòng cốc sông, lừa đánh giặc.

Ngoài cách tích-cực để đánh Mông-cô, durante thì còn áp-dụng được cách tiêu cực nữa:

Một mặt yếu bằng khuyến các quân huyện phải liều chét đánh giặc, nên sức không dịch nơi thi cho phép lẫn tranh, tâm không được hằng, như một chương trên đã nói; một mặt nghiêm trấn những kẻ phản quốc hằng Nguyễn đề làm gọn rần cho kẻ khác.

Sử chép: Thằng chin, năm nhắm-tuật (1262), lực xét từ dō; phạm tội nằng hay nhẹ đều được tha

---

(1) Thự tài liệu trong AN NAM CHÍ LƯỢC như trong chương tâm đã thuật.
cả, chỉ trừ những kẻ hàng giặc khi Mông-cô sang lần cuối « (TOÀN THU, quyền 5, tổ 27b; CUỘNG MỤC, quyền 7 tổ 5a). Vì vậy, dãy-gian đường thời mới có những chuyên như dân quân tự động truy kích giặc Nguyễn, trường sĩ trừng sức đánh giết những kẻ phân quốc. Cùng chính vì thế, Trần Kiên mới bị bán chét ở trại Ma-lúc; Lê-Tắc mới bị đánh bất khỏi ái Chi-lăng (1).

Và, đường thời còn có những bi-quyet để hung sức quân, mạnh thể nước, di đến cải đích thành công trong mấy cuộc kháng chiến Mông-cô, kẻ Việt cần phải trình bày thêm nữa.

Đến đây, xin dịch mấy lời đối hỏi giữ đức Trần Hưởng-dão và vua Trần Anh-tông.

Khi Hưng-dão vương đang năm bệnh, vua Anh-tông thân đến nhà riêng thâm ngoại và hỏi: « Rủi khi Đại-vương khuyết núi di rỗi, nên giặc Bác lai sang lần cuối thì tích chửu ra sao? »


(1) Xem tr. 665 "Bằng kẻ những tên phân quốc, hàng giặc Nguyễn" ở cuốn sách.

(2) Vé điểm địa lý này, tác-gia Trần Trọng Kim có viết ở VIỆT-NAM VÀN-HỌC-SỰ, quyền thứ nhất, năm 1928, trang 140 rằng: « . . . Triệu Vô-vương đồng đồ ở Phiên-nương, tức là quân thành Quang-châu bấy giờ, mà châu Khâm, châu Liêm thì ở giáp giới nước ta. Lễ náo đi đánh Trương-sa ở tỉnh Hồ-nam mà lại quay ờ ở châu Khâm, châu i. t. e.m... Có lẽ Rạng Hưng-dao vương giác nổi chuyên đồ tung rạng rạng kinh-dố của Triệu Vô-vương & dẫn bèn nước ta bấy giờ, cho nên mới nói như thế chẳng ». 

120

TRẦN HUNG-DẠO
«Đối Định, đối Lê, lửa đúng được người hiện luông; bây giờ bên Bắc đang mới một suy yếu, còn bên Nam thì mới mê hùng cường, trên dưới đồng đồng một y, lòng dân không chia lia, đáp thành Bình-lồ mà pha quân Tống: đó là một thời thiêng.

«Nhà Lý mới nghiệp, quân Tống sang xâm-lấn đặt đại bờ côi, vua Lý dùng Lý Thường-Kiệt đánh Khảm, Liễm, tiến đến tận Mai-Lĩnh; đó là có thế làm được.

«Trước đây Toa-Dố Ô-Mã-Nhi, bốn mạt bao Fav. Phía, ta vua tỏ đồng tâm, anh em hòa thuận, ca nước cùng hợp sức, chung mới bị bắt; đó là lông Trời xui nên.

«Đại khái kể kia cây trường tranh, ta cây đoạn binh; lấy đoạn chế trường; đó là lời thường làm của binh-pháp. Hễ thấy quân kia tranh đến, ấm ấm như lửa, như gió, thì cái thể ấy để trí. Nếu nó dùng chương như tâm ấm dân, ấm ấm, tưởng tượng, không vụ của dân, không cần màu thắng, thì ta phải lửa đúng luồng trường, xem tình hình mà liêu quyền hiện như dân cờ vày. Nhưng phải tuy từng lúc mà liều chiến, cơ có hàng quân sĩ thần tin như tình chia còn thi mới đúng được. Và, phải nói lòng sinc dân đã làm cái chương ngọt sâu góc vùng. Đó là phương-sách giữ nước hay hơn cả (TỔ AN THU, quyen 6, tr. 8b-9b; CƯỜNG MỤC, quyen 8, tr. 31a-32a).

Nhận những lời ngài đáp vua Trần Anh-tộn trên đây, ta nhận thấy:

về việc đúng binh, ngại như một tay cao có tùy cơ ứng biến, nhìn xa, trông rộng, chủ không khử
khur theo một đường lối. Nhưng cái chia khóa để mở cửa «Khai hoán» là, trong chỏ liang ngụ, tướng với quân, thường yêu nhau, thân tín nhau, như tình cha con ruột thịt.

Về thuật giữ nước, ngại lấy dân làm căn bản: «dân là quý», «dân là gốc nước». Đối với cái gốc ấy, phải trông cho sâu, vun cho vùng, chủ không nên những nhiều dân, bộc lộ dân, sru cao, thue nặng, chính lệnh phiền hà, để làm hao của dân, kiệt sức dân. Vì vậy ngại mới can-dần vua Trân Anh-lôn phải «khoan dân lực».

Sau mấy cuộc chiến thắng Mông-cô, đức Trân Hùng-dao chẳng những nâng Việt-nam lên địa vị «hưng cường» ở trong «thiên hạ» (1) đường thời, mà chính uy danh ngại cũng lừng lẫy ra nước ngoài và trần ngập cả người ngoài nữa:

1) Trong NGUYỄN-SỮ chỏ nào cũng chế là «Hưng đạo-vương» để tô ý kính trọng.

2) Một bàn hoa-khiều, ngụ ở Hải-duơng, tên là MÂ-Tân-Thăng hội nám kiểu-mao đời Tự-dực (1848-1883), có cung tiền văn đến Kiểp-bắc một bức hoành dể bốn chữ «Đức uy viên suông» (2) dể giải lũng hâm mồ ngài.

3) Dân gian ở Quảng-tây từ trước đến giờ thường hay đa tre quyết khốc bằng bốn tiếng «Hình Tâu tài vương» (3). Nhiều khi họ lại còn viết bốn chữ ấy

(1) Cừng như nguy ngày nay gọi là «quốc-lé».
(2) 德威遠暢 nghĩa là «công đức và oai danh truyền rộng ra trán mọi xã».
(3) Hưng-dạo đại-vương.
vào giấy dố giữa ở đâu giờ ông trẻ năm dễ trấn át cho trẻ khỏi khóc đềm mưa (1).

4) Người ta còn nói: khoảng năm 1945, một nhà báo Nhật qua chơi Việt-nam, đi thăm đến kiếp, nhân đổi câu đối dễ ở cót trục trước cửa denn, tাঃ núi Vạn-kiếp dầy những «khi kiếm» và nước Lục-dầu đều là «tiếng thu» (2), có cắm-xúc viết một bài thơ bằng Hán-văn dễ tô ý người-mô dùc Trần Hưng đạo:

_Thanh ký biệt hữu thư giang son,_
_Sán xuất anh-hùng biểu thể-gian._
«Kiểm khí» do kinh Hồ lử phách,
«Thu thanh» lúc-sáy, thủy sán-sán... (3)._

Dịch nghĩa:

Ôi đây, riêng có cảnh núi sông thanh ký này,
Chung dức nên trang anh-hùng làm tiêu-biểu cho thể-gian.

(1) Theo báo KIẾN-QUỐC số 1, ngày 11 tháng 10, năm 1949.
(2) Căn đối ấy thể này: «Vạn-kiếp hữu thư giang xá, kiếm khí, Lục-dầu vô thủy bất thu thanh»
(3) Với tất cả mọi sự đề-dất, kẻ vít chỉ xin suốt bất thợ của nhà báo Nhật này theo như ông Lam-sơn đã kể lại trong cuốn HUNG-.DAO ĐẠI VƯƠNG, trang 11. Lại theo ông Lam-sơn, thì dưới bất thợ này, nhà báo Nhật ấy có viết thêm mấy câu, dài ý: «Cùng hội thế-kỷ 12 (có lẽ là thọc-kỷ 13, chức không phải 12), hơn 20 văn quan Mộng-cờ cùng đảm do (rằng-rính) chức kéo sang đánh chìm nước Nhật, nhưng chưa tới nơi đã bị quân dông gió gùm ghi. đạo (hào) nhiều chiến thuyền đều bị chìm dầm, quân địch chét dạt ngai hết, sông sột trở về không còn được vấn người...» (Về việc nước Nhật giữ cái may này mà thoát với Mộng-cờ xem lệch, nhiều bỏ sự ta và sự Trung-hoa cùng đã nói đến).
Cái hối thanh kiểm của người được làm, cho giấc mơ cỏ phải kinh hồn, mắt via!

Tiếng mùa thu riu-rit lành-lùng, nước Luc-dâu áo-áo dào-giật...

Nhất tài liệu từ 28 tháng ba 1949.
Việt xong ngày mồng 4 tháng tư 1950.
SÁCH BÁO THAM KHẢO
(Xếp theo thứ tự a b c)


Đại Việt sử-ký.—Bản đời Cảnh-thịnh (1793-1800).

Đại Việt sử-ký toàn thư. — Bản đời Lê.

Hoàng việt thi tuyết. — Bùi Huy Bích, sách in trường Bác-cô.

Hoàng Việt văn tuyết. — Bùi Tôn-am, sách in trường Bác-cô.

Khám định Việt sử thông giai cường mục. — Quốc sử quán đời Nguyễn.


Les Mongols et la Papauté. — Paul Pelliot, sách in trường Bác-cô.

Lịch triều hiện cường loại chí, Binh chê chê, Quan chức chí, Quốc dung chí. — Phan Huy-Chú, sách việt trường Bác-cô.

Nam sử tập biên. — Sách việt trường Bác-cô.

Nguyễn sử, quyển 209, sách in trường Bác-cô.

Nguyễn sử tán biên, quyển 95, sách in trường Bác-cô.

Ngự chê Việt sử lòng vinh. — Tự-dực đời Nguyễn.

Trần đại-vương châu văn, sách nôm trường Bắc-cô.

Trần gia diễn tích thống biên. — Sách viết trường Bắc-cô.

Trần Hưng-dạo vương cứu tích. — Sách viết trường Bắc-cô.

Trần triều thế phá hành trong. — Sách viết trường Bắc-cô.
Bảng kê những phán tử đã hi sinh trong cuộc kháng Nguyễn.

<table>
<thead>
<tr>
<th>NGÀY THÁNG</th>
<th>CỘNG NGUYỄN</th>
<th>CHỨC-SỞ HOẠC TƯỢC PHONG</th>
<th>TÊN, HỌ</th>
<th>NOI BỊ PÁT HOẠC BỊ GIẾT</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Định - tự</td>
<td>1257</td>
<td>Phú-lương hầu</td>
<td>(?</td>
<td>gần cầu Phú-lỗ</td>
</tr>
<tr>
<td>Định - tự</td>
<td>1257</td>
<td></td>
<td>Toàn dân THẲNG-LONG</td>
<td>Thắng-long (bị giết sạch)</td>
</tr>
<tr>
<td>Nhậm-ngô</td>
<td>1282</td>
<td>Giản-diệp</td>
<td>BÔ VĨ</td>
<td>gần ái Nhị-nh (Lương-sơn)</td>
</tr>
<tr>
<td>12-1-Ất-dậu</td>
<td>1283</td>
<td></td>
<td>Quân-sĩ thích chủ «sất Thất»</td>
<td>Vũ-ninh, Đồng ngàn, Gia-lâm (Bắc-ninh)</td>
</tr>
<tr>
<td>21-1-Ất-dậu</td>
<td>1:85</td>
<td>Bảo-nghĩa vương</td>
<td>TRÂN BÌNH-TRỌNG</td>
<td>bãi Tha-mạc (Itung-yên)</td>
</tr>
<tr>
<td>2-2-Ất-dậu</td>
<td>12:5</td>
<td>Tướng-quan</td>
<td>ĐỊNH XA</td>
<td>cựu Vị-bô</td>
</tr>
<tr>
<td>2-2  Ất-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>Tướng-quan</td>
<td>NGUYỄN TẤT-DƯNG</td>
<td>cựu Vị-bô</td>
</tr>
<tr>
<td>Thằng 2  Ất-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>Cộng-chúa</td>
<td>AN-TƯ (em út vua Trần Thành-tông)</td>
<td>Thắng-long (bị đưa cho Thọit-Hoan)</td>
</tr>
<tr>
<td>5-5-Ất-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>Nghĩa-dũng</td>
<td>TRẦN THỊU</td>
<td>Nam sách giang (Hải-lương)</td>
</tr>
<tr>
<td>Thằng 5  Ất-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>Phu đạo tử</td>
<td>HÀ ĐẶC</td>
<td>A-lợp (miền Phú-thủy?)</td>
</tr>
<tr>
<td>Định-hội 8</td>
<td>1287</td>
<td>Tướng-quan</td>
<td>LÊ THẠCH</td>
<td>Tam-dài giang (bị bắt)</td>
</tr>
<tr>
<td>Định-hội</td>
<td>1287</td>
<td>Tướng-quan</td>
<td>HÀ VƯƠNG</td>
<td>Tam-dài giang (bị bắt;</td>
</tr>
<tr>
<td>Mẫu - tì</td>
<td>1288</td>
<td>Tướng-quan</td>
<td>PHẠM TRÚ</td>
<td>gần ái Nơi bóng (Lương-sơn)</td>
</tr>
<tr>
<td>Mẫu - tì</td>
<td>1288</td>
<td>Tướng-quan</td>
<td>NGUYỄN KỲ</td>
<td>gần ái Nơi bóng (Lương-sơn)</td>
</tr>
<tr>
<td>NGÀY THÁNG</td>
<td>CÓNG NGUYỄN</td>
<td>TÊN, HỌ</td>
<td>GỐC - GẮC</td>
<td>HỊNH - PHÁT</td>
</tr>
<tr>
<td>------------</td>
<td>--------------</td>
<td>---------</td>
<td>------------</td>
<td>-------------</td>
</tr>
<tr>
<td>1-2-Át-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>TRẦN KIÊN</td>
<td>Con Tinh quốc vương Trần Quốc Khang</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1-2-Át-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>LỄ TÁC</td>
<td>Tác giả AN-NAM CHÍ LUỘC</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>3-2-Át-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>TRẦN TỬ-VIỆN</td>
<td>Văn nghĩa hậu</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>15-3-Át-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>TRẦN ÍCH-TÁC</td>
<td>con vua Trần Thái</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>15-3-Át-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>TRẦN DỨC</td>
<td>con Trần Ích-Tác</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tháng 3 Át-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>TRẦN VĂN-LƯƠNG</td>
<td>cháu Trần Thứ Đỗ</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tháng 3 Át-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>LỄ DIỄN</td>
<td>bà gọi là « Á tran »</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tháng 3 Át-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>TRỊNH LONG</td>
<td>bà trước họ, gọi họ Mai.</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Át-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>BẢNG LONG</td>
<td>bà chem</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Át-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>LÀNG BÀNG HÀ</td>
<td>cả làng bị tối dỗ, làm sai sự hoành (hạng nò тек)</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Át-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>LÀNG BA-DIỆM</td>
<td>bị tội như trên</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Tháng 3 Át-dậu</td>
<td>1285</td>
<td>PHẠM CỤ-BIA</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>
BẢN ĐỒ SỐ 1
Kháng chiến Mông-cô
Lần thứ nhất
Dinh-tì (1257)

Thuộc tỉ lệ
1/4:000,000
BẢN ĐỒ SỐ 3
Kháng chiến Mông-cổ lần thứ ba
(Bính-hội - Mậu-tân 1287-1288)
Thước tỷ lệ 1/400.000
MỤC-LỤC

LỜI DÀU ...............................................

CHƯƠNG I. — Gia-thể và cá-linh Trần Quốc-Tuân ......... 5

CHƯƠNG II. — Lực-lượng và tình - thân quan
dối$args[0].text + args[0].end

CHƯƠNG III. — Xã-hội và sinh-hoat dân-chủng
trước khi kháng Nguyên ................................. 30

CHƯƠNG IV. — Lai-lich và lực-lượng Mông-cô ....... 50

CHƯƠNG V. — Mông-cô gây hấn .......................... 56

CHƯƠNG VI. — Cuộc chiến thắng Mông-cô
lần thứ nhất ............................................ 66

CHƯƠNG VII. — Cuộc chiến thắng Mông-cô
lần thứ hai ............................................. 72

CHƯƠNG VIII. — Cuộc chiến thắng Mông cô
lần thứ ba ............................................... 91

CHƯƠNG IX. — Từ bài Hịch tướng sĩ đến
sách Văn-kiep tổng biên truyền ....................... 106

CHƯƠNG X. — Nhắc lại những kinh-nghiệm
dà chiến thắng Mông-cô ............................... 116

SÁCH BÁO THAM-KHẢO.

Bằng kê những phần-tử đã hi-sinh trong may
cuộc kháng Nguyên.

Bằng kê những tên phần quốc, hàng giấc Mông-cô.

Bản đồ kháng Nguyên lần thứ nhất.

Bản đồ kháng Nguyên lần thứ hai.

Bản đồ kháng Nguyên lần thứ ba.
IN XONG NGÀY 11 THÁNG CHÍN
1950, TẠI NHÀ IN VĨNH-BẢO,
46 BIS LAGRANDIÈRE SAIGON,
GIÁY PHÉP SỐ 315/TXB
NGÀY 21 THÁNG TÂM 1950.
Đã ra:

Đại-Nam Quốc-sử điện-ca
của Lê Ngổ-Cát và Phạm Đình-Toái
Tựa và dấn của Hoàng Xuân-Hân
(2 cuốn lớn bồ)

Lý Thù强烈的
(Lịch-sử ngoại-giao triều Lý)
của Hoàng Xuân-Hân
(2 cuốn lớn bồ)

Việt-luận
của Nghiêm-Toàn
(3 tập lớn bồ)

Thực-vật học
của Nguyễn Gia-Gương

Hà-thành thất-thữ và Hoàng-Diệu
(Tài-liệu và văn cõ)
Đään và chú-thích của Hoàng Xuân-Hân

Sẽ ra:

Danh-từ chuyên-môn
(chinh-trị, ngoại-giao, cai-trị, kinh-tế, tu-pháp)
của Vũ văn-Hịn. Nguyễn huy-Mẫn và
Bùi tưởng-Chiều

Thư-từ và ngân-phếu xin dè tén bà Nguyễn-thị-Quyền, số
19 b, Hàng Bông thọ Nhuộm, Hà-nội.
SÁCH HIEU BIẾT
VŨ-VĂN-HIỆN
Giám-dực bộ biên-tập

DÃ RA:

1. Vũ-văn-Hiến
   TIỀN VÀNG VÀ TIỀN GIÁY 10đ
2. Phạm-Toàn
   VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỰ I 10 đ
3. Phạm-Toàn
   VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỰ II 10 đ
4. Nguyễn-bửu-Man
   HƯƠNG VÓN LẤP HỘI 10 đ
5. Bùi-tường-Chiều
   TỔ-CHỨC LIÊN-HIỆP QUỐC 10 đ
6. Nguyễn-trọng-Ly
   TIẾNG NÓI CỦA ĐỒNG RUỒNG 10 đ
7. Hoàng thủ-Trần
   QUỐC-VẠN BỘI TÂY-SƠN 10 đ
8. Bùi-phượng-Chi
   BIỆN 14 đ
9. Hoàng thủ-Trần
   TRẦN HƯNG-ĐẠO 12 đ

DANG IN:

THIÊN-VĂN

của

NGUYỄN-DƯƠNG-DƠN

SỄ RA TIẾP:

Hoàng-xuân-Hăn
HỒNG-SON VĂN-PHÁI

Ngậm-Toăn
NGUYỄN-HUỆ

Phạm-khắc-Quảng
NHỮNG BỆNH TRUYỀN-NHIỄM

NHA SÁCH VĨNH-BẢO SÀI-GÒN
XUẤT-BẢN